

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ PHƯƠNG LINH (1952-2010)**

THE HISTORY OF THE
CITY OF BOSTON

The history of the city of Boston is a story of growth and resilience. From its founding as a small settlement of Puritan settlers in 1630, it has evolved into one of the most important and vibrant cities in the United States. The city's early years were marked by a strong sense of community and a commitment to education and industry. Over the centuries, Boston has been a center of intellectual and cultural life, producing many of the nation's leading thinkers and writers. The city's role in the American Revolution and its subsequent development as a major port and financial center have shaped its identity and its place in the world. Today, Boston continues to be a city of innovation and progress, with a rich and diverse population and a strong economy. Its history is a testament to the power of human ingenuity and the ability of a community to overcome adversity and thrive.

**ĐẢNG BỘ XÃ PHƯƠNG LINH
HUYỆN BẠCH THÔNG - TỈNH BẮC KẠN**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ PHƯƠNG LINH
(1952 - 2010)**

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

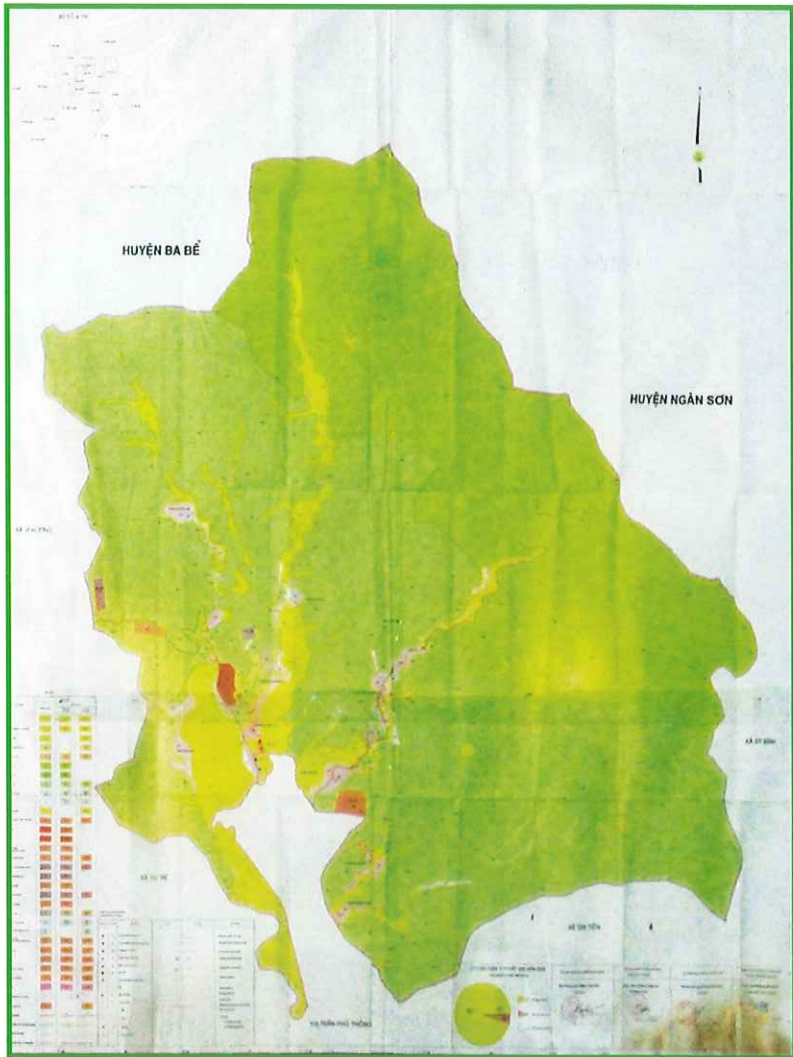
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ PHƯỜNG LINH
(1922 - 2010)

NHÀ XUẤT BẢN THE GIỚI



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)
NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA





Bản đồ hành chính xã Phương Linh



BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Vi Văn Đàm

Bí thư Đảng ủy - Trưởng ban

Nguyễn Văn Hoán

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Phó Trưởng ban

Nông Lương Hào

Chủ tịch UBND xã - Ủy viên

Triệu Quốc Hoàn

Chủ tịch HĐND xã - Ủy viên

Chu Minh Đẹp

Chủ tịch Ủy ban MTTQ - Ủy viên

TỔ SƯU TẦM TƯ LIỆU

Nguyễn Văn Hoán

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Tổ trưởng

Nông Đức San

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Tổ phó

Đình Xuân Nghiêm

Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự - Ủy viên

Hoàng Khải Huân

Trưởng Công an - Ủy viên

Bàn Thị Niên

Chủ tịch Hội Phụ nữ - Ủy viên

Nguyễn Văn Ba

Chủ tịch Hội Nông dân - Ủy viên

Lương Đức Nam

Chủ tịch Hội Cựu chiến binh - Ủy viên

Triệu Xuân Yên

Bí thư Đoàn Thanh niên - Ủy viên

Hoàng Khải Thạch

Nguyên Bí thư Đảng ủy - Ủy viên

Đình Duy Yên

Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Ủy viên

Triệu Thị Xuân

Cán bộ Văn phòng Đảng ủy - Ủy viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

Cố vấn khoa học: PGS.TS Phạm Xuân Mỹ

Thạc sĩ Lịch sử: Nguyễn Thanh Hải

Thạc sĩ Lịch sử: Chu Quang Khánh

Thạc sĩ Lịch sử: Phạm Văn Thông

Cử nhân Lịch sử: Nghiêm Xuân Huy

Cử nhân Lịch sử: Vũ Đức Nam

LỜI GIỚI THIỆU

Phương Linh là xã nằm ở khu vực trung tâm của huyện Bạch Thông. Con người nơi đây luôn cần cù, sáng tạo trong lao động, sản xuất, anh dũng, kiên cường trong đấu tranh bảo vệ quê hương đất nước khi có giặc ngoại xâm. Truyền thống đó được hun đúc qua các thế hệ, trở thành niềm tự hào của người dân Phương Linh hôm nay và mai sau.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930) và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tinh thần cách mạng của nhân dân Phương Linh càng được phát huy cao độ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Phương Linh cùng với quân dân cả nước đã làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vĩ đại, chấm dứt ách đô hộ của chế độ thực dân phong kiến, giành lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, xã Quý Quân (tên xã Phương Linh lúc đó) sáp nhập với 5 xã khác thành xã Hoa Sơn. Thông qua các cuộc đấu tranh, nhiều quần chúng ưu tú được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Đó là tiền đề cho sự ra đời của Chi bộ Đảng xã Hoa Sơn năm 1948. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi

bộ Đảng, nhân dân Quý Quân đã anh dũng, kiên cường chống lại các cuộc tấn công của địch, hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng đất nước.

Tháng 10-1952, xã Chiến Thắng (năm 1965 đổi tên thành xã Phương Linh) cùng với Chi bộ Đảng được thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Hoa Sơn. Sự trưởng thành nhanh chóng của Chi bộ Đảng địa phương trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là yếu tố quan trọng dẫn đến sự thành lập Đảng bộ xã ngày 21-6-1967. Việc thành lập Đảng bộ đã tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng với phong trào cách mạng địa phương, đặc biệt là quá trình vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu, chi viện cho miền Nam chống Mỹ cứu nước.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng bộ và nhân dân xã Phương Linh tiếp tục lãnh đạo nhân dân phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần cần cù, sáng tạo, từng bước đẩy lùi khó khăn, vượt qua thử thách, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Để ghi nhận những truyền thống quý báu, những thành tích trong đấu tranh cách mạng cũng như trong công cuộc lao động sản xuất xây dựng quê hương, đất nước, đồng thời giáo dục tinh thần yêu nước và truyền thống quê hương cho thế hệ trẻ, thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 28-2-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) và chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Bạch Thông về công tác sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phương Linh (nhiệm kỳ 2010-2015) ban hành

Nghị quyết số 33-NQ/ĐU ngày 5-3-2014 về việc sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn sách “**Lịch sử Đảng bộ xã Phương Linh (1952-2010)**”.

Cuốn sách được biên soạn nhằm ghi lại được những chặng đường cách mạng gian khổ nhưng cũng đầy vinh quang của Đảng bộ và nhân dân Phương Linh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những trang sử vàng đó đã và đang tạo ra sức mạnh cho Phương Linh vững bước trong công cuộc đổi mới, trên con đường xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp.

Cuốn sách được xuất bản và ra mắt bạn đọc là cả một quá trình cố gắng, nỗ lực của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, các đồng chí trong Ban Sưu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu - Biên soạn, cũng như sự tham gia nhiệt tình trong việc cung cấp thông tin, tư liệu và đóng góp ý kiến của các đồng chí cán bộ, đảng viên là nhân chứng hoạt động qua các thời kỳ và toàn thể nhân dân trong xã.

Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phương Linh xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Bạch Thông, Ban Sưu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu - Biên soạn, các bậc lão thành cách mạng, cán bộ, đảng viên, nguyên là lãnh đạo qua các thời kỳ và nhân dân trong xã đã giúp chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn cuốn sách, mặc dù đã có nhiều cố gắng, song cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Do vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phương Linh rất mong nhận được những ý

kiến đóng góp của các đồng chí cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã cùng bạn đọc gần xa để lần tái bản sau cuốn sách sẽ được hoàn thiện hơn.

T/M ĐẢNG ỦY BÍ THƯ

Vi Văn Dâm



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH BẮC KẠN
TẶNG



ĐẢNG BỘ XÃ PHƯƠNG LINH HUYỆN BẠCH THÔNG
ĐẠT TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH TIÊU BIỂU
NĂM 2001 - 2005

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC KẠN
TẶNG



ĐẢNG BỘ XÃ PHƯƠNG LINH, HUYỆN BẠCH THÔNG
ĐẠT TRONG SẠCH VỮNG MẠNH TIÊU BIỂU
5 NĂM 2006 - 2010









Chương I

PHƯƠNG LINH - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Phương Linh là một xã miền núi bao quanh thị trấn Phủ Thông và trung tâm huyện lỵ Bạch Thông, cách thành phố Bắc Kạn 21km, có Quốc lộ 3 và Tỉnh lộ 258 chạy qua, phía bắc giáp xã Mỹ Phương (huyện Ba Bể) và xã Lãng Ngâm (huyện Ngân Sơn), phía nam giáp xã Tân Tiến, phía đông giáp xã Sỹ Bình, phía tây giáp xã Tú Trĩ, Vi Hương. Xã có 9 thôn: Đèo Giàng, Nà Món, Chi Quảng A, Chi Quảng B, Khuổi Cụ, Khuổi Lừa, Khuổi Chàm, Khuổi Chả, Nà Phải.

Về mặt địa hình, Phương Linh có độ cao trung bình từ 140-800m, địa hình tương đối phức tạp, bị chia cắt bởi hệ thống suối và khe sâu. Tổng diện tích tự nhiên là 2.088,35ha, trong đó đồi núi chiếm hơn 90%, phía đông có núi Khâu Pao, phía bắc có núi Đèo Giàng, phía tây có núi Pù Phan liền dãy Phja Boóc, xen kẽ là các thung lũng. Hướng dốc theo chiều bắc

nam và nghiêng dần về các dòng suối chính với độ dốc bình quân từ 20-25⁰.

Về khí hậu, xã có nét đặc trưng của khí hậu miền núi Bắc bộ, thời tiết được chia làm 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông trong đó có 2 mùa rõ rệt là mùa hạ và mùa đông. Mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều, mưa lớn tập trung vào các tháng 7, 8 chiếm 75-80% lượng mưa cả năm. Tổng lượng mưa trung bình hàng năm dao động khoảng 1.200-1.600mm. Mùa đông ít mưa, độ ẩm thấp và xuất hiện giá rét, đôi khi có sương muối... Độ ẩm không khí trung bình từ 80-85%.

Về thủy văn, xã có suối bắt nguồn từ Vi Hương và các khe nhỏ. Đây là nguồn cung cấp nước tưới quan trọng cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của nhân dân trong xã. Nguồn nước ngầm của xã tương đối dồi dào ở độ sâu 25-30m, chất lượng nước tốt, không bị nhiễm chì... Đây là một nguồn tài nguyên quý giá, có thể đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt cho nhân dân nếu được khai thác hợp lý, khoa học.

Với những thuận lợi và khó khăn về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên đã và đang tạo điều kiện cũng như thách thức cho Phương Linh trong giao lưu, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Đặc biệt, trong thời kỳ đất nước đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, nhân dân Phương Linh luôn phát huy tối đa những tiềm năng sẵn có, cùng nhân dân cả nước xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Đến năm 2010, dân số xã Phương Linh 424 hộ với 1.780 nhân khẩu sinh sống ở 9 thôn bản, trong đó số người trong độ tuổi lao động là 1.193 người (chiếm 70% tổng số dân). Đây là nguồn nhân lực quý báu và quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, từng bước thay đổi diện mạo quê hương.

Xã đã tích cực khai thác tiềm năng thế mạnh trong phát triển kinh tế, với mục tiêu là đẩy mạnh phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp, phát triển kinh tế vườn đồi, vườn rừng, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày.

Nông nghiệp của xã đã dần xóa bỏ tập quán canh tác lạc hậu, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ kỹ thuật và thực hiện các giải pháp đồng bộ để thúc đẩy sản xuất như: xây dựng, kiên cố hóa hệ thống kênh mương thủy lợi bảo đảm nước tưới tiêu; đưa các loại giống mới, giống tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn; đẩy mạnh phát triển các dịch vụ phục vụ như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... Nhờ đó năng suất, sản lượng cây trồng không ngừng được nâng cao. Năm 2010, năng suất lúa bình quân của xã đạt 46 tạ/ha, năng suất ngô bình quân đạt 37 tạ/ha, tổng sản lượng thực có hạt đạt 937,46 tấn.

Hàng năm, xã đều hoàn thành và vượt kế hoạch trồng rừng, không những nâng độ che phủ của rừng lên 75% mà còn tạo việc làm, tăng thu nhập cho nhiều lao động. Cũng trong năm 2010, toàn xã trồng mới được 79,3ha rừng theo Quyết định 147-QĐ/TTg của Thủ

tướng Chính phủ, đạt 85% kế hoạch và trở thành điểm sáng trong phong trào trồng rừng của huyện.

Về chăn nuôi, toàn xã có tổng đàn trâu, bò là 340 con, đàn lợn 1.678 con, đàn gia cầm 6.730 con. Công tác tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh luôn được quan tâm nên nhìn chung đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra.

Trong xây dựng cơ bản, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, xã đã sử dụng có hiệu quả nguồn vốn do dân đóng góp và nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước để tập trung đầu tư, xây dựng các công trình trọng điểm của địa phương như trạm y tế, trường học, đường giao thông nông thôn... phục vụ thiết thực cho sản xuất và đời sống nhân dân. Xã luôn ưu tiên đầu tư cho thôn bản khó khăn để thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống của nhân dân. Đến hết năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo của Phương Linh giảm còn 3,3%.

Cùng với việc phát triển kinh tế, xã Phương Linh luôn dành sự quan tâm đến các mục tiêu phát triển văn hóa, xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, xóa bỏ các hủ tục, xây dựng đời sống văn hóa mới ở cơ sở.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

1. Quá trình hình thành

Thời dựng nước, các vua Hùng chia nước Văn Lang thành 15 bộ, Bạch Thông thuộc bộ Vũ Định.

Thời kỳ Bắc thuộc, dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, Bạch Thông lúc nằm trong quận Giao Chỉ, khi thuộc Châu Long, lúc nằm trong châu Võ Nga. Từ đời nhà Trần trở về trước, châu Bạch Thông có tên gọi Vĩnh Thông. Thời thuộc Minh, huyện Vĩnh Thông thuộc phủ Thái Nguyên. Đời Lê, năm Hồng Đức thứ 21 (1490), đổi tên thành châu Bạch Thông. Vùng đất Phương Linh thuộc châu Bạch Thông, phủ Thái Nguyên.

Cuối thế kỷ XIX, sau khi hoàn thành việc xâm lược nước ta, ngày 11-4-1900, thực dân Pháp thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm các châu: Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (sau đổi thành Na Rì) và Cẩm Hóa (sau đổi thành Ngân Sơn). Xã Phương Linh thuộc tổng Phương Linh, châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Năm 1945, khi giành được chính quyền về tay nhân dân, xã được đổi tên thành xã Quý Quân. Năm 1947, theo sự chỉ đạo của cấp trên, xã Quý Quân cùng các xã Tòng Lạnh, Tú Trĩ, Sĩ Bình, Vũ Muộn, Vi Hương sáp nhập lại lấy tên là xã Hoa Sơn.

Tháng 10-1952, xã Hoa Sơn chia tách thành 6 xã bao gồm: Chiến Thắng (nay là xã Phương Linh), Quyết Thắng (nay là xã Tú Trĩ), Hòa Bình (nay là xã Vi Hương), Tòng Lạnh (nay là xã Tân Tiến), Đoàn Kết (nay là xã Sĩ Bình), Hợp Tác (nay là xã Vũ Muộn). Năm 1960, tách 1 phần xã Chiến Thắng thành lập thị trấn Phủ Thông.

Ngày 21-4-1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Nghị quyết số 103-NQ/TVQH về hợp nhất tỉnh Bắc Kạn với tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Lúc này xã có tên là xã Chiến Thắng thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái. Đến tháng 5-1965, xã Chiến Thắng lại trở về tên cũ là xã Phương Linh.

Theo Quyết định số 67-CP ngày 1-3-1980 của Hội đồng Chính phủ, xã Phương Linh và thị trấn Phủ Thông được sáp nhập thành một xã lấy tên là xã Phương Thông.

Ngày 21-12-1995, Chính phủ ban hành Quyết định số 93-QĐ/CP về việc thành lập thị trấn Phủ Thông trên cơ sở tách từ xã Phương Thông và đổi tên xã Phương Thông thành xã Phương Linh thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái.

Ngày 1-1-1997, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân các dân tộc trong công cuộc xây dựng, đổi mới đất nước, thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, tỉnh Bắc Kạn chính thức được tái lập, huyện Bạch Thông trở lại thuộc tỉnh Bắc Kạn. Theo đó, xã Phương Linh thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

2. Truyền thống lịch sử, văn hóa

Truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm

Nhân dân Phương Linh luôn tự hào với truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương đất nước của mình.

Ngay từ đầu công nguyên, nhân dân Phương Linh đã cùng với nhân dân Bạch Thông, Bắc Kạn đứng dưới lá cờ đại nghĩa của Hai Bà Trưng chống lại ách thống trị của Nhà Hán. Cuộc khởi nghĩa tuy thất bại nhưng khí thế hào hùng của cha ông còn để lại âm hưởng, in đậm dấu ấn trong tâm tưởng con cháu.

Thế kỷ XI, đất nước đứng trước họa xâm lược của quân Tống. Nhân dân Bạch Thông trong đó có nhân dân Phương Linh tích cực tham gia đạo quân 5.000 người dân tộc thiểu số do Lý Thường Kiệt huy động dưới sự chỉ huy trực tiếp của các tù trưởng địa phương cùng với đại quân nhà Lý tiêu diệt các cứ điểm quân sự trên đất Tống.

Năm 1407, cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ thất bại, nước ta rơi vào ách thống trị của nhà Minh. Không chịu khuất phục trước kẻ thù, nhân dân cả nước nổi dậy khắp nơi. Trên vùng đất Thái Nguyên (bao gồm cả Bắc Kạn ngày nay), dưới sự lãnh đạo của Trần Nguyên Khang, Nguyễn Đa Bí, Chu Sư Nhan, Bùi Quý Thăng, Nguyễn Khắc Chấn, Dương Khắc Chung, nhân dân Phương Linh cùng với cộng đồng các dân tộc tham gia vào các nghĩa quân chống lại sự đô hộ của nhà Minh.

Từ thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn khủng hoảng, khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi. Tiêu biểu cho phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc vùng núi phía Bắc là cuộc khởi nghĩa Nông Văn Vân (1833-

1835)¹. Nhân dân các dân tộc Bạch Thông trong đó có nhân dân Phương Linh hăng hái tham gia vào nghĩa quân Nông Văn Vân chống lại triều đình phong kiến.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Triều đình phong kiến nhà Nguyễn bạc nhược để đất nước ta rơi vào tay thực dân Pháp. Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Phương Linh cùng nhân dân cả nước anh dũng kháng chiến làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, chấm dứt gần một thế kỷ xâm lược đất nước ta của thực dân Pháp.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhân dân Phương Linh không ngại khó khăn gian khổ, hy sinh, một lòng theo Đảng nêu cao tinh thần “*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*”, góp phần vào thắng lợi hoàn toàn của đất nước.

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhân dân Phương Linh hăng hái thi đua phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng củng cố quốc phòng - an ninh, phấn đấu xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Truyền thống hiếu học

Cùng với truyền thống yêu nước, nhân dân Phương Linh cũng rất hiếu học. Đó là một nét đẹp văn hóa được hun đúc trong quá trình xây dựng quê hương qua hàng nghìn năm lịch sử.

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 20.

Trải qua các thời kỳ lịch sử với bao thăng trầm nhưng truyền thống hiếu học của nhân dân trong xã luôn được phát huy. Ngày nay, các thế hệ người dân trong xã không ngừng vượt lên mọi khó khăn để đến trường, tiếp thu tri thức xây dựng quê hương, đất nước. Nhiều người con của xã đã kế tiếp và phát huy những truyền thống của ông cha, phấn đấu và trưởng thành. Không ít người con của Phương Linh đã đảm trách những cương vị lãnh đạo chủ chốt như các đồng chí: Hoàng Trường Minh - Nguyên đại biểu Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc miền núi; Hoàng Khải Tung - Nguyên Chủ tịch Ủy ban lâm thời huyện Bạch Thông, Trưởng ty Giáo dục tỉnh Bắc Thái; Hoàng Khải Long - Nguyên Đại tá quân đội; Triệu Đức Đăng - Nguyên Phó ty Tài chính tỉnh Bắc Kạn; Hoàng Thị Kim Hoa - Nguyên Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ tỉnh Bắc Thái, tiến sĩ Đặng Phúc Lường - Nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Dương Vân Đình - Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông; Hoàng Khải Giáp - Nguyên Trưởng ty Công an Bắc Thái; Hà Thị Hương - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính Bắc Kạn.

Công tác giáo dục ở Phương Linh rất được chú trọng, đạt được nhiều thành tích nổi bật. Những năm gần đây, trên địa bàn xã có hàng trăm con em thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Đây chính là nguồn nhân lực quan trọng để xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh, xứng đáng với sự hy sinh của biết bao thế hệ cha anh đi trước.

Truyền thống văn hóa

Phuong Linh là một xã miền núi thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn, là nơi cư trú của 4 dân tộc Tày, Nùng, Dao và Kinh. Mỗi dân tộc có những phong tục, tập quán riêng góp phần hình thành nét đặc sắc văn hóa chung của Phuong Linh.

Dân tộc Tày, Nùng với trang phục đặc trưng là quần áo màu chàm. Người ta dễ dàng phân biệt được phụ nữ Dao đỏ với các phụ nữ Dao khác qua bộ trang phục được thêu các họa tiết trang trí bằng chỉ màu đỏ một cách tinh tế và chiếc khăn đỏ đội đầu sặc sỡ. Sự khác biệt đó khiến người ta dễ dàng phân biệt được dân tộc này với dân tộc khác.

Trong văn hóa tâm linh, người dân Phuong Linh rất coi trọng việc thờ cúng tổ tiên, đây là việc chính trong nhà, nhằm giáo dục, nhắc nhở con, cháu luôn hướng về cội nguồn, giữ gìn truyền thống gia tộc, dòng họ. Bàn thờ tổ tiên được đặt ở gian chính giữa nhà là nơi trang trọng nhất, cao ngang xà, được trang hoàng đẹp đẽ. Ngày mùng một, ngày rằm âm lịch hàng tháng, gia đình thắp hương kèm theo hoa quả, rượu. Mỗi khi gia đình có việc đại sự như: làm nhà mới, cưới vợ, sinh con, tang lễ đều cúng bái mời tổ tiên về chứng giám.

Văn hóa lễ hội là phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của mỗi người dân Phuong Linh, đó là nét văn hóa truyền thống tốt đẹp được gìn giữ qua nhiều thế hệ. Mỗi độ Tết đến xuân về, nét văn hóa đặc sắc

riêng đó lại như mới hơn, vui hơn. Với bà con người dân tộc Tày, Nùng ở xã Phương Linh thì lễ hội xuống đồng (theo tiếng dân tộc gọi là lễ hội “*Lông tổng*”) từ bao đời nay đã trở thành một nét sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc sắc. Hàng năm, lễ hội được bà con người Tày, Nùng sinh sống ở các thôn: Chi Quảng A, Chi Quảng B, Nà Món, Đèo Giàng, Khuổi Chàm, Khuổi Chả, Khuổi Cụ, Nà Phái, Khuổi Lừa tổ chức vào những ngày đầu tháng Giêng hàng năm. Địa điểm tổ chức hội thường ở giữa cánh đồng hay trên một bãi đất rộng.

Vào ngày hội, mọi người dân trong xã đều tham gia làm lễ, nhà nào cũng có mâm cỗ cúng thịnh soạn để làm lễ vật cúng thần đất, thần núi, thần nông. Lễ vật thường có xôi nếp, rượu trắng và các loại gà trống thiên lộc, thịt lợn quay, xôi, bánh chưng, bánh khảo, bánh bồng, bánh dày, chè lam... Mỗi sản vật được dâng lên cúng đều mang một ý nghĩa thể hiện được sự giao hoà của trời đất, là thành quả lao động của những bàn tay cần cù, chịu khó, thể hiện lòng cảm tạ các vị tiền nhân, thánh thần luôn phù hộ, che chở cho nhân dân được thuận lợi và bội thu trong sản xuất, an khang trong đời sống. Ngày hội “*Lông tổng*” còn là dịp để trai gái trao duyên hẹn ước. Người dân trong xã vui vẻ hòa mình vào các trò chơi dân gian truyền thống như tung còn, bịt mắt bắt dê, đẩy gậy.

Trong văn hóa nghệ thuật, đồng bào người Tày - Nùng có hát then, hát sli, hát lượn. Các lời ca câu hát

góp phần làm con người thêm yêu cuộc sống và bày tỏ lòng người với nhau cũng như làm cầu nối với các đảng thần linh.

Ngày nay, khi đất nước bước vào thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế thì văn hóa, tư tưởng, đạo đức, lối sống của người dân địa phương ít nhiều chịu sự tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, về cơ bản những giá trị truyền thống lịch sử, văn hóa luôn được người dân Phương Linh lưu giữ và phát huy.

Chương II

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN PHƯƠNG LINH THAM GIA ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

I. PHƯƠNG LINH TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

1. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội dưới thời Pháp thuộc

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Sau khi đặt được bộ máy cai trị ở các tỉnh thuộc Nam Bộ, Trung Bộ và đồng bằng Bắc Bộ, thực dân Pháp bắt đầu đem quân đánh chiếm các tỉnh miền núi phía Bắc. Đầu năm 1892, một đơn vị tuần tiễu tiến quân từ Yên Lạc phối hợp với những đơn vị khác xuất phát từ Ngân Sơn tiến xuống Bạch Thông. Đến tháng 11-1894, một đồn binh Pháp được thành lập tại Phủ Thông. Từ đó, việc đánh chiếm của thực dân Pháp đối với Bắc Kạn nói chung và Bạch Thông nói riêng đã hoàn thành.

Sau khi chiếm đóng Bắc Kạn, thực dân Pháp chia cả tỉnh thành 5 châu. Châu Bạch Thông gồm 4 khu vực

(thị xã, Chợ Mới, Cao Kỳ và Phủ Thông) và 5 tổng (Phương Linh, Hà Vị, Nông Thượng, Nông Hạ và Yên Đĩnh). Chúng đặt bộ máy cai trị chặt chẽ từ trên xuống dưới. Đứng đầu châu là một viên tri châu. Ở các tổng có chánh tổng, phó chánh tổng. Ở các xã có lý trưởng và phó lý trưởng cai quản dân chúng. Đối với dân tộc Dao chúng đặt chế độ quản chiều, động trưởng. Quản chiều là chức quan cai trị người Dao trong toàn châu. Ở tổng có chánh mán, ở các xã có động trưởng.

Nham hiểm hơn, thực dân Pháp còn định ra một số quy định cụ thể có tính chất phân biệt đối xử nhằm gây thù hằn giữa các dân tộc. Lý trưởng người Tày bắt người Dao phải đến nhà phục dịch trong các ngày lễ, tết, ma chay, cưới xin. Người Dao muốn làm nương thì phải nộp tiền cho bọn lý trưởng, nếu không bọn chúng dọa sẽ báo lên quan trên.

Dưới ách thống trị của thực dân - phong kiến, nhân dân các dân tộc ở Phương Linh cũng như trong toàn châu Bạch Thông hết sức cực khổ. Đế quốc và phong kiến cấu kết chặt chẽ với nhau ra sức vơ vét của cải của nhân dân. Chúng đặt ra rất nhiều thứ thuế, nhất là thuế đinh và thuế điền. Thuế đinh là loại thuế đánh vào tất cả đàn ông từ 18 đến 60 tuổi và chia làm 2 loại: Loại nội tịch (những người có tài sản) mỗi đầu người phải nộp 3 đồng, và loại ngoại tịch (những người không có tài sản hoặc ở nơi khác đến cư trú) mỗi đầu người phải nộp 1,5 đồng trong một

năm. Thuế điền là loại thuế đánh vào ruộng đất và chia làm 3 hạng: Nhất đẳng điền: 7 đồng/mẫu; Nhị đẳng điền: 5 đồng/mẫu; Tam đẳng điền: 4 đồng/mẫu. Vì không có tiền nộp thuế, nhiều người bị cùm, bị đánh đập tàn nhẫn, nhiều người phải bán cả ruộng nương, đi ở không công để trả nợ.

Thực dân Pháp còn độc quyền muối, rượu, còn, thuốc phiện và quản lý chặt chẽ việc khai thác lâm, thổ sản. Những người có giấy phép mới được vào rừng khai thác lâm thổ sản và phải bán lại cho chính quyền thực dân với giá rẻ mạt.

Bên cạnh thuế má là nạn phu phen tạp dịch. Theo quy định của chính quyền thực dân, hàng năm, mỗi nam công dân ở Bạch Thông, trong đó có người dân Phương Linh, phải đi phu 2 lần, mỗi lần từ 10 đến 12 ngày và phải tự túc lương thực. Dân phu phải làm nhiều công việc nặng nhọc như làm đường, đào hào, xây dựng sân bay... Họ không chỉ nhận được một mức lương rẻ mạt mà còn thường xuyên bị đánh đập. Do vậy, nhiều gia đình người dân bị lâm vào cảnh đói rách. Đại đa số các gia đình đều thiếu ăn từ 6 đến 8 tháng/năm. Họ phải lên rừng đào củ, hái măng để kiếm sống.

Để dễ bề cai trị, thực dân Pháp thi hành chính sách kìm hãm nhân dân ta trong vòng dốt nát, lạc hậu. Ở Phương Linh có 2 trường học, 1 trường dạy tiếng Pháp và 1 trường dạy tiếng Hoa, tuy nhiên, số học sinh được tới trường đều là con em nhà giàu có. Tuyệt đại đa số

con em nhân dân lao động nghèo khổ không có điều kiện cấp sách tới trường. Khoảng 98% dân số trong xã bị mù chữ.

Những phong tục tập quán lạc hậu cùng những tệ nạn xã hội được chính quyền thực dân phong kiến duy trì và khuyến khích như cờ bạc, nghiện hút. Tục lệ ma to, cưới lớn diễn ra phổ biến. Có những đám cưới phải chi tiêu tới 500kg thịt, 200kg gạo, 300 chai rượu. Đám cưới của đồng bào Dao còn có lệ nộp từ 50-200 đồng bạc trắng.

Dưới chế độ thực dân phong kiến, việc chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân không được chú ý. Ở Phương Linh không có trạm y tế, toàn châu Bạch Thông lúc đó chỉ có 1 y tá, một nữ hộ sinh và 1 thầy ký để phục vụ cho bọn thống trị. Nhân dân lao động khi ốm đau đều không có thuốc thang cứu chữa, người ốm chỉ trông cậy vào thầy bói đến xem có “con ma nào đến quấy nhiễu”. Gia đình phải thịt lợn để cúng ma. Nhiều gia đình giết hết cả lợn gà để cúng.

Với bộ máy kìm kẹp tàn bạo và thâm độc, cùng với chính sách phản động về cả chính trị, kinh tế, xã hội, thực dân Pháp đã làm cho các vùng quê trong đó có Phương Linh rơi vào sự phân hóa và mâu thuẫn giai cấp sâu sắc. Từ đó đã dẫn đến mâu thuẫn dân tộc giữa người lao động với thực dân và phong kiến. Mâu thuẫn đó chính là nguyên nhân tất yếu dẫn đến cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong thời kỳ Pháp thuộc.

2. Tham gia cuộc vận động giải phóng dân tộc, đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám

Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, mở ra thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc. Ngay từ khi thành lập, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh giành lại độc lập tự do.

Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Thực dân Pháp ở Đông Dương thi hành chính sách đàn áp, khủng bố công khai, tàn bạo. Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, cấu kết với thực dân Pháp đẩy nhân dân ta vào cảnh “*Một cổ hai tròng*”. Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (tháng 11-1939) được tổ chức. Tại Hội nghị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Tháng 5-1941, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 diễn ra tại Pác Bó, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh, hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng của Đảng. Phong trào cách mạng dồn dập từ các địa phương lân cận tác động mạnh mẽ đến nhân dân Bắc Kạn. Đặc biệt, lực lượng Cứu quốc quân với tinh thần anh dũng chiến đấu, hi sinh của mình có ảnh hưởng lớn đến đồng bào các dân tộc Na Rì, Ngân Sơn, Chợ Rã, Bạch Thông.

Từ khi Cao Bằng được xây dựng làm căn cứ địa cách mạng, lãnh tụ Hồ Chí Minh và các cán bộ cao cấp của Đảng liên tiếp mở các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ địa phương người dân tộc cho các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn. Tài liệu tuyên truyền được dịch ra tiếng các dân tộc Mông, Dao... để thuận lợi cho đồng bào học tập, tìm hiểu. Các sách báo, tài liệu tuyên truyền được các hội viên Cứu quốc quân mang từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn, góp phần truyền bá các chủ trương, chính sách của Đảng, Mặt trận Việt Minh, tạo tiền đề cho Mặt trận Việt Minh ra đời ở Bạch Thông.

Từ năm 1943, các đội xung phong Nam tiến vượt qua Khau Giàng đến nhiều địa phương thuộc địa phận Bắc Kạn. Vào Bắc Kạn, một bộ phận lực lượng Nam tiến vượt qua các thung lũng, phát triển cơ sở trong đồng bào Tày - Nùng và sau khi xây dựng được nhiều cơ sở ở Ngân Sơn đã tiến theo Quốc lộ 3 xuống vùng Quân Bình, Hà Vị (Bạch Thông)¹.

Trước yêu cầu lãnh đạo phát triển cách mạng ở địa phương, cuối tháng 9-1943, Chi bộ Chí Kiên - Chi bộ đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn được thành lập, đánh dấu bước ngoặt trong phong trào cách mạng của tỉnh.

Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng, nhất là sự ra đời của Chi bộ Chí Kiên ở Ngân Sơn và

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 37-38.

sự thành lập khu Quang Trung cùng Ban Chấp hành Việt Minh khu có ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng đang nhen nhóm ở Bạch Thông. Từ tháng 3 đến tháng 12-1943, một số đồng chí cán bộ Nam tiến được cử xuống Bạch Thông để xây dựng và phát triển cơ sở cách mạng. Tháng 12-1943, đồng chí Võ Nguyên Giáp đến Bạch Thông hoạt động, đồng chí tổ chức cuộc họp tại xã Dương Quang, giao nhiệm vụ cho các đồng chí Đức Xuân, Phạm Duy Tiến, Tùng Vân cùng cố mở rộng đường dây liên lạc ở các bản vùng cao (đồng bào Dao) và các bản vùng thấp (đồng bào Tày Nùng).

Để kịp thời lãnh đạo phong trào, ngày 23-1-1944, Tỉnh bộ Việt Minh Bắc Kạn được thành lập. Sự kiện này ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng ở Bắc Kạn nói chung và Bạch Thông nói riêng, các cơ sở cách mạng cũ được củng cố, nhiều cơ sở mới ra đời và mở rộng, phong trào cách mạng diễn ra sôi nổi.

Sau khi có bản Chỉ thị "*Sửa soạn khởi nghĩa*" (7-5-1944) của Tổng bộ Việt Minh và lời kêu gọi "*Sấm vũ khí, đuổi thù chung*" (10-8-1944) của Trung ương Đảng, phong trào cách mạng toàn quốc phát triển nhanh chóng. Trong vùng Cao - Bắc - Lạng, không khí chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang ngày càng sôi nổi. Quần chúng mong ngày nổi dậy phá tan ách kìm kẹp của đế quốc phong kiến¹.

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 44.

Thực hiện Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập tại Nguyên Bình (tỉnh Cao Bằng), do đồng chí Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy. Đây là một trong những đội quân chủ lực của cách mạng, có vai trò to lớn trong xây dựng lực lượng và khởi nghĩa giành chính quyền từng phần, tiến lên tổng khởi nghĩa ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang...

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ 2 bước vào giai đoạn kết thúc. Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, quân Nhật đang bị thua ở nhiều nơi. Ở Đông Dương, thấy trước triển vọng tất thắng của phe Đồng minh, thực dân Pháp ngày càng ráo riết chuẩn bị kế hoạch cướp lại chính quyền khi quân Đồng minh kéo vào. Biết rõ ý đồ của Pháp, ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương.

Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị *"Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"*. Chỉ thị khẳng định: *"Lúc này phát xít Nhật là kẻ thù chính trước mắt của nhân dân ta, cuộc đảo chính sẽ tạo điều kiện để thời cơ khởi nghĩa giành độc lập nhanh chóng được chín muồi"*. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam lúc này là phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước, tiến tới toàn dân vũ trang, khởi nghĩa khi thời cơ đến.

Được sự cổ vũ của phong trào cách mạng toàn quốc, dưới ánh sáng Nghị quyết Ban liên Tỉnh ủy Cao - Bắc -

Lạng và Bản Chỉ thị “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”, khắp nơi trong châu Bạch Thông, nhân dân nô nức tham gia các đoàn thể Việt Minh. Các đoàn thể cứu quốc trong thanh niên, phụ nữ, nông dân... phát triển nhanh chóng¹.

Tại Phương Linh, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng ở Bạch Thông, từ đầu năm 1945, cán bộ cách mạng đã đến xã tuyên truyền vận động nhân dân tham gia vào tổ chức Hội Việt Minh. Được sự giác ngộ của cán bộ cách mạng, các đồng chí Đàm Quang Trung, Ngọc Trinh, Chu Sơn, Bế Ích Vạn nhanh chóng tham gia tổ chức Hội, hoạt động bí mật, gây dựng cơ sở cách mạng tại địa phương.

Đến trung tuần tháng 3-1945, vẫn chưa có tên Nhật nào xuất hiện tại Bạch Thông nhưng sau cuộc đảo chính bộ máy chính trị Pháp lập tức bị tê liệt, bọn tay sai hoang mang, lo sợ. Chớp thời cơ đó, ngày 23-3-1945, một đơn vị Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân do đồng chí Đàm Quang Trung, Hoàng Sâm chỉ huy theo hướng Chợ Rã tiến về, kết hợp với du kích các xã Tòng Lạnh, Tú Trĩ, Sĩ Bình, Vũ Muộn, Vi Hương tổ chức xây dựng và thành lập chính quyền cách mạng ở các xã. Tên cai cơ chỉ huy đồn Phủ Thông hoảng sợ, xin đầu hàng và giao nộp vũ khí cho quân giải phóng (vũ khí được đưa vào Khuổi Cụ cất giấu), lá cờ cách mạng tung bay trên

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 47-48.

nóc đồn Phủ Thông. Được sự giúp đỡ của quân giải phóng, du kích và nhân dân trong xã tổ chức mít tinh tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân - phong kiến, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời xã gồm 5 đồng chí: Lường Văn Thảo - Chủ tịch, Dương Văn Chúc - Phó Chủ tịch, các đồng chí Triệu Văn Ngọc, Triệu Đức Đăng, Mã Văn Tần - Ủy viên¹.

Sau khi được thành lập xã lấy tên là xã Quý Quân với 6 bản: Khuổi Cụ, Chi Quảng, Nà Phải, Nà Món, Khuổi Chàm, Nà Hái với 72 hộ, 421 nhân khẩu.

Đội du kích xã cũng được thành lập với 14 đồng chí: Mã Văn Tần (Tiểu đội trưởng), Hoàng Văn Lu, Hoàng Văn Vinh, Vi Văn Nhảy, Triệu Văn Thi, Đinh Văn Quy, Triệu Văn Vẹ, Nông Văn Lý, Hoàng Khải Long, Nguyễn Đình Khăng, Lường Văn Thành, Triệu Văn Quang, Nông Văn Khâm, Hà Văn Eng.

Sau khi thành lập, đội du kích xã cùng với du kích các xã bạn nhanh chóng được tập trung huấn luyện tại Khuổi Peo - Tòng Lạnh (từ ngày 23 đến ngày 29-3-1945). Đồng thời, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Đàm Quang Trung, đội du kích xã đã bắt các tổng lý, kỳ hào nộp phẩm hàm, phá kho thóc tại Phủ Thông chia cho dân nghèo và chuyển cho quân giải phóng.

Ngày 25-3-1945, một cánh quân Nhật gồm 500 tên từ Cao Bằng theo đường số 3 tiến xuống chiếm

1. Ngày 20-10-1945, xã tổ chức khai hội ở Nà Miều, Chi Quảng, bầu ban Việt Minh chính thức.

đóng thị xã Bắc Kạn. Ngay khi đặt chân xuống thị xã, chúng tập hợp tay chân đứng ra thành lập chính quyền, đảng phái chính trị thân Nhật. Thông qua các tổ chức phản động, phát xít Nhật ra sức tuyên truyền cho thuyết Đại Đông Á hòng xoa dịu dư luận, lừa bịp quần chúng. Để đối phó với phong trào cách mạng đang phát triển mạnh mẽ, phát xít Nhật tăng cường củng cố hệ thống đồn bốt ở thị xã, Phủ Thông, Nà Phặc, Chợ Mới... Mặc dù vậy, phát xít Nhật vẫn không thể ngăn chặn được làn sóng cách mạng đang dâng cao của nhân dân ta.

Để chuẩn bị cho việc lãnh đạo công cuộc khởi nghĩa, cuối tháng 4-1945, một cuộc họp quan trọng được triệu tập tại xã Thuần Mang (Ngân Sơn), Hội nghị đề ra một số chủ trương lớn: Tích cực bao vây địch, không cho chúng lập hệ thống ngục quyền; tiêu trừ bọn việt gian để bảo vệ cơ sở và phong trào cách mạng; tranh thủ lôi kéo tầng lớp trên và gây cơ sở liên lạc trong thị xã, chuẩn bị mọi mặt tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền¹.

Thực hiện những chủ trương của Hội nghị, chính quyền cách mạng lâm thời xã Quý Quân tích cực lãnh đạo, vận động nhân dân vạch trần tội ác của địch, đồng thời thực hiện “*vườn không, nhà trống*”, cất giấu của cải, thóc, gạo vào rừng. Đội du kích xã ngày đêm bí mật luyện tập, chờ thời cơ tiêu diệt địch.

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 50.

Tối ngày 19-4-1945, đội du kích xã Quý Quân do đồng chí Thái Sơn chỉ huy cùng du kích các xã Tòng Lạnh, Tú Trĩ, Sĩ Bình, Vi Hương kết hợp với Giải phóng quân tổ chức chặt cây, đào hố mai phục từ đỉnh đèo Giàng xuống Khuổi Tầu chặn đánh đoàn xe cơ giới của địch đang vận chuyển vũ khí từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn. Khi đoàn xe của địch tiến tới điểm mai phục, quân ta đồng loạt nổ súng rồi nhanh chóng rút lui bảo toàn lực lượng. Do bị tập kích bất ngờ, quân địch vội vàng tháo chạy. Trận đánh tuy không gây tổn thất lớn cho quân địch nhưng khiến chúng vô cùng hoang mang. Về phía quân ta, đây là màn tập dượt quan trọng, thể hiện sự phối hợp chặt chẽ giữa dân quân du kích trong xã với dân dân du kích các xã bạn và Giải phóng quân.

Cuối tháng 5-1945, phát xít Nhật mở cuộc tấn công đánh chiếm lại các vị trí ven đường Quốc lộ 3. Trước tình hình trên, Giải phóng quân phối hợp với tự vệ và du kích các địa phương tổ chức đánh địch ở khắp nơi. Dưới sự lãnh đạo của chính quyền địa xã, du kích xã Quý Quân phối hợp cùng du kích các xã Tòng Lạnh, Tú Trĩ, Sĩ Bình, Vũ Muộn, Vi Hương đánh địch ở Nà Hoan, Phủ Thông.

Từ trung tuần tháng 7-1945, công tác phá hoại giao thông được đẩy mạnh. Đội du kích Quý Quân cùng với du kích các xã Tòng Lạnh, Tú Trĩ, Sĩ Bình, Vũ Muộn,

Vi Hương được huy động ra phá cầu chân Đèo Giàng, Khuổi Tầu, Khuổi Phjắc, Nà Món, Nà Hoan, Nà Cù, Khuổi Dám khiến cho quân địch gặp khó khăn lớn trong việc vận chuyển và tiếp tế lương thực, thực phẩm, đạn dược cho hệ thống đồn bốt, cứ điểm.

Bước sang tháng 8-1945, tình hình thế giới có nhiều thuận lợi, chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ngày 10-8-1945, phát xít Nhật đầu hàng quân Đồng minh. Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim và các đảng phái thân Nhật bị tê liệt. Ngày 13-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng Minh vào Đông Dương. Ngay đêm hôm đó, Ủy ban khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1, có nội dung *“Giờ Tổng khởi nghĩa đã đến! Cơ hội có một cho quân, dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà”*. Lệnh Tổng khởi nghĩa đã nhanh chóng truyền đi khắp nơi.

Hòa chung với khí thế cách mạng hào hùng trên khắp cả nước, nhân dân Bắc Kạn, Bạch Thông nói chung và nhân dân Quý Quân nói riêng quyết đứng lên quét sạch quân thù giải phóng quê hương.

Tin quân đội Nhật đầu hàng Đồng minh khiến cho quân Nhật ở thị xã Bắc Kạn và các đồn bốt hoang mang, run sợ. Chúng rút lui về đồn Phủ Thông, Nà Cù cố thủ. Cùng với Giải phóng quân và các địa phương khác

trong huyện, du kích Quý Quân kéo đến bao vây đồn Phủ Thông, thị xã Bắc Kạn cắt đứt mọi con đường tiếp tế vũ khí, lương thực của địch khiến chúng rơi vào cảnh khốn cùng. Trước tình thế đó, quân Nhật cử phái viên ra Phặc Tràng (Đương Quang) đề nghị được thương lượng với ta. Sáng 19-8-1945, quân Nhật gặp đại biểu Việt Minh (đồng chí Nông Văn Lạc) tại sân bay Bắc Kạn để giao nộp hồ sơ bộ máy tay sai cấp tỉnh và toàn bộ kho tàng, gồm 21 vạn đồng tiền Đông Dương, 1.800 khẩu súng, 500 viên đạn¹.

Ngày 23-8-1945, quân Nhật rút khỏi Bắc Kạn, châu Bạch Thông hoàn toàn giải phóng, quê hương Quý Quân sạch bóng quân thù.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã xóa đi sự tồn tại hàng ngàn năm của chế độ phong kiến, gần trăm năm đô hộ của thực dân Pháp và ách áp bức, bóc lột của phát xít Nhật trên đất nước ta. Tại Bạch Thông, thắng lợi vang dội của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tiêu biểu cho truyền thống yêu nước nồng nàn và ý chí quyết tâm giành độc lập tự do. Nhân dân Bạch Thông nói chung và nhân dân Quý Quân nói riêng đã bảo vệ thành công chính quyền nhân dân được xây dựng trước đó, góp phần to lớn vào thắng lợi vĩ đại của toàn dân tộc.

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 54.

II. XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1946-1954)

1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng

Cách mạng Tháng Tám thành công, ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân lao động thực sự làm chủ quê hương, đất nước thông qua chính quyền dân chủ nhân dân.

Ở khắp các địa phương trong huyện Bạch Thông, mọi tầng lớp nhân dân đều vui mừng, phấn khởi, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Đường lối đúng đắn, uy tín tuyệt đối của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và Mặt trận Việt Minh đã tạo thành mẫu số chung đoàn kết nhân dân xã Quý Quân và đồng bào cả nước trong công cuộc giải phóng dân tộc và bảo vệ chế độ mới.

Ngày 15-9-1945, 20 vạn quân Tưởng cùng với các đảng phái phản động “Việt quốc”, “Việt cách” đến Hà Nội. Ngày 23-9-1945, được quân Anh giúp đỡ, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn - Gia Định, quyết tâm xâm lược nước ta một lần nữa. Mục tiêu chung của

chúng nhằm đập tan chính quyền cách mạng từ trong trứng nước, thiết lập lại chế độ thuộc địa.

Trong khi đó, xã Quý Quân cũng như trong toàn huyện Bạch Thông, phần lớn ruộng đất tập trung trong tay giai cấp thống trị, người dân lao động không có ruộng đất để sản xuất, cùng với đó là hậu quả của chính sách cai trị, bóc lột của chính quyền phong kiến, thực dân để lại đã làm cho nền kinh tế rơi vào tình trạng thấp kém, lạc hậu, thiếu thốn. Các bản chìm trong đói nghèo trở nên tiêu điều, xơ xác. Thêm vào đó là những tệ nạn của xã hội cũ vẫn còn tồn tại khá phổ biến như hút thuốc phiện, cờ bạc, mê tín dị đoan... với các hủ tục nặng nề và tốn kém trong cưới hỏi, ma chay, lễ tết linh đình đã đẩy con người nơi đây vào cuộc sống khốn cùng, bế tắc.

Nhằm đối phó với tình hình vô cùng khó khăn, củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng, Ủy ban cách mạng lâm thời nhanh chóng chỉ đạo nhân dân thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp nhằm “củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, diệt trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân” theo Chỉ thị “*Kháng chiến - kiến quốc*” ngày 25-11-1945 của Đảng đã đề ra.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và noi gương Người: “*Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo*”, đồng bào đều lập “*Hũ gạo tiết kiệm*”. Truyền thống đồng cam, cộng khổ, thương yêu và đùm bọc lẫn nhau được khơi dậy mạnh mẽ. Ở Quý Quân,

nhân dân còn tổ chức “Ngày đồng tâm - không đờ lúa” để có thêm gạo cứu đói. Mặt trận Việt Minh và chính quyền tổ chức vận động các hộ ủng hộ, tương trợ lẫn nhau với tinh thần “Nuròng com, sẻ áo”, “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”. Với khẩu hiệu “Không một tấc đất bỏ hoang”, “Tấc đất tấc vàng”, phong trào thi đua sản xuất được đẩy lên ở khắp các bản. Các ban khuyến nông được thành lập hướng dẫn bà con nông dân làm đất, thủy lợi, phân xanh. Trong sản xuất, đồng bào giúp nhau về nhân công, trâu cày, gia đình nhiều ruộng nhường một phần cho gia đình ít ruộng. Các tập tục tốt đẹp như “Vần nà”, “Hót làng”, “Làm mãi” (đổi công) ngày càng được phổ biến, khuyến khích. Nhờ biện pháp tích cực, nạn đói đã vượt qua, đời sống nhân dân trong xã từng bước được ổn định.

Để giải quyết khó khăn về tài chính, ngày 4-9-1945, Chính phủ phát động phong trào xây dựng “Quyỹ độc lập”, “Tuần lễ vàng”. Mặc dù cuộc sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng với lòng yêu nước nồng nàn, nhân dân trong xã đã nhiệt tình tham gia quyên góp vàng bạc, tư trang, những tài sản quý giá đóng góp cho chính quyền cách mạng. Trong một tuần, nhân dân Quý Quân đã đóng góp được 7 chỉ vàng, 50 đồng bạc trắng, 9 vòng bạc đeo cổ, 2 vòng bạc đeo tay.

1. Tục “Vần nà” rất phổ biến trong dân tộc Tày (gia đình nào làm không kịp thời vụ thì mời bà con đến làm giúp vài buổi, chỉ ăn cơm mà không tính công).

Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào diệt giặc dốt, xóa nạn mù chữ. Hưởng ứng Sắc lệnh, cuối năm 1945, đầu năm 1946, phong trào "*Bình dân học vụ*" ở Quý Quân phát triển rất mạnh mẽ. Với phương châm: người biết chữ dạy người không biết, người biết nhiều dạy người biết ít, các lớp bình dân học vụ phát triển thành phong trào, thu hút mọi tầng lớp nhân dân đến học, từ thanh niên, phụ nữ, trẻ em... đặc biệt có cả các cụ già trong bản cũng tham gia. Ở các phiên chợ hoặc buổi hội hè, đặt các trạm đố chữ, ai biết đọc thì được vào, ai không biết thì không được vào. Đến cuối năm 1946, với những cố gắng vượt bậc đó, 11% người dân Quý Quân đã biết đọc, biết viết. Nhiều gia đình được cấp giấy chứng nhận xóa nạn mù chữ.

Song song với "*Diệt giặc đói, diệt giặc dốt*", công tác thông tin tuyên truyền được chính quyền cách mạng đặc biệt chú trọng, hỗ trợ cho các phong trào quần chúng. Các bản đều thành lập tổ thông tin phổ biến chủ trương, đường lối của Mặt trận Việt Minh, chính sách của Chính phủ đến nhân dân một cách kịp thời. Ban vận động đời sống mới được thành lập gồm những người có uy tín trong tham gia vận động nhân dân thực hiện nếp sống mới, bài trừ các tập tục xấu. Khắp nơi trong các bản, các tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc, mê tín

dị đoan từng bước được xóa bỏ. Nhiều thầy tào từ bỏ cúng bái chuyển sang làm nghề khác. Tình trạng cưới hỏi, tang ma đình đám tốn kém đã giảm bớt. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được quan tâm nên tình trạng ốm đau, dịch bệnh giảm dần. Các hoạt động múa hát văn nghệ được tổ chức khắp các bản làng trong xã tạo nên không khí vui tươi, hào hứng trong quần chúng.

Việc củng cố và bảo vệ chính quyền được chú trọng. Do tình hình khá phức tạp và có vị trí quan trọng đặc biệt nên xã cũng nhanh chóng xây dựng một đội dân quân, du kích thường trực làm chỗ dựa cho chính quyền cách mạng chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Phong trào tập luyện quân sự của đội dân quân du kích diễn ra rất sôi nổi, anh chị em hăng say luyện tập, sẵn sàng đương đầu với kẻ thù bất kỳ lúc nào.

Bên cạnh việc xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, chính quyền cũng tích cực vận động quần chúng nhân dân tham gia giữ gìn an ninh trật tự, quét sạch các tệ nạn xã hội, trộm cắp. Vì thế bộ mặt nông thôn Quý Quân ngày càng thay đổi. Bằng những việc làm thiết thực của chính quyền cách mạng, nhân dân vui mừng phấn khởi, tin tưởng và gắn bó với chế độ mới - chế độ dân chủ nhân dân.

Để củng cố và phát huy thành quả của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thực hiện Sắc lệnh số 14/SL ra

ngày 8-9-1945 của Chính phủ về Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, không khí chuẩn bị cho ngày Tổng tuyển cử diễn ra sôi nổi trên phạm vi cả nước, trong đó có các bản trong xã Quý Quân. Những ngày cuối tháng 12-1945, công tác tuyên truyền cổ động càng rầm rộ, băng cờ, khẩu hiệu, biểu ngữ được treo khắp nơi, từng đoàn thanh, thiếu niên cầm loa, cờ đi tuyên truyền hô vang các khẩu hiệu “*Ứng hộ Chính phủ Việt Minh*”... Ngày 6-1-1946, ngay từ sáng sớm, các bản trong xã đã tung bừng, nhộn nhịp với khí thế của một ngày hội lớn, cờ đỏ sao vàng, khẩu hiệu treo, dán khắp nơi. Tại các phòng bỏ phiếu, mọi người dân không phân biệt già trẻ, gái, trai dân tộc, tôn giáo đều được cầm lá phiếu với tư cách cử tri, một công dân của một nước độc lập, tự do. Thông qua cuộc bầu cử, trình độ giác ngộ cách mạng, nhận thức về chính trị xã hội của nhân dân được nâng lên. Đội ngũ cán bộ của địa phương đã trưởng thành hơn về mọi mặt.

Sau thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội, nhân dân xã Quý Quân tiếp tục tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của mình nên 100% cử tri trong toàn xã phấn khởi đi bỏ phiếu. Ngày 4-6-1946, Hội đồng nhân dân xã họp, thảo luận chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, đề ra nhiệm vụ công tác của địa phương, bầu ra Ủy ban hành chính gồm đồng chí: Vỹ Cao Thượng - Chủ tịch

Ủy ban hành chính xã, Hoàng Văn Bằng - Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, Hoàng Mạc Ty - Ủy viên thư ký, các đồng chí Dương Hữu Hoàn, Đinh Quang Dương, Mã Văn Tần - Ủy viên.

Việc kiện toàn bộ máy chính quyền cấp xã được cử tri sáng suốt lựa chọn những đại biểu của mình có uy tín, có năng lực đảm nhiệm công việc của xã. Một số cán bộ của mặt trận Việt Minh được tăng cường vào bộ máy chính quyền. Tuy còn lúng túng trong công việc nhưng được nhân dân tin tưởng ủng hộ, được huyện giúp đỡ, tạo điều kiện nên vì thế chính quyền xã đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ động viên, hướng dẫn nhân dân bảo vệ chế độ dân chủ, tổ chức cuộc sống mới và chuẩn bị công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đến cuối năm 1946, xã chưa có cơ sở Đảng nhưng Huyện ủy Bạch Thông đã cử cán bộ về giúp đỡ, thành lập Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở xã. Một số quần chúng được lựa chọn bồi dưỡng lý luận cách mạng, tạo điều kiện cho anh chị em tiếp thu Chủ nghĩa Mác - Lênin, đi sâu tìm hiểu Đảng. Qua hoạt động thực tiễn nhiều quần chúng được rèn luyện, qua thử thách đã nhanh chóng trưởng thành. Trong đó, phần lớn là thanh niên giữ các chức vụ chủ chốt trong chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Đó là những nhân tố quan trọng để xây dựng cơ cấu tổ chức Đảng ở xã.

2. Chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1947)

Tháng 11-1946, quân Pháp mở cuộc tấn công chiếm đóng thành phố Hải Phòng, đổ bộ lên Đà Nẵng và gây nhiều cuộc khiêu khích, tàn sát đồng bào ta ở phố Yên Ninh - Hàng Bún (Hà Nội). Đồng thời, Pháp gửi tới hậu thư cho Chính phủ ta, đòi phải tước hết vũ khí của tự vệ Hà Nội, nhường quyền kiểm soát an ninh trật tự ở Thủ đô cho chúng. Trước tình hình đó, ngày 18 và 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Vạn Phúc, Hà Đông dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định phát động cuộc kháng chiến trong cả nước và chủ động tiến công trước khi thực dân Pháp thực hiện màn kịch đảo chính quân sự ở Hà Nội. Mệnh lệnh kháng chiến được phát đi. Vào lúc 20 giờ ngày 19-12-1946, tất cả các chiến trường trong cả nước đã đồng loạt nổ súng. Rạng sáng ngày 20-12-1946, lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh được phát đi trên Đài Tiếng nói Việt Nam "*Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ*". Tiếp đó, Trung ương Đảng ra Chỉ thị: "*Toàn dân kháng chiến*". Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chỉ thị "*Toàn dân kháng chiến*", nhân dân cả nước đoàn kết một lòng, đồng tâm hiệp lực cùng đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược.

Đất nước lại bước vào những năm tháng của chiến tranh, việc xây dựng căn cứ địa cách mạng và hậu

phương của kháng chiến trở thành một vấn đề cấp bách. Với tầm nhìn chiến lược, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn vùng núi Việt Bắc mà trung tâm là Bắc Kạn, Thái Nguyên và Tuyên Quang để xây dựng căn cứ địa kháng chiến toàn quốc.

Bạch Thông là một huyện thuộc tỉnh Bắc Kạn, có vị trí chiến lược hết sức quan trọng, trung tâm giao thông của toàn tỉnh. Chính vì thế, nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình, khi bước vào cuộc kháng chiến, huyện tập trung tổ chức lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện tiến hành mọi mặt công tác chuẩn bị.

Đầu năm 1947, để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng, thực hiện quyết định của cấp trên, xã Quý Quân cùng các xã Tòng Lạnh, Tú Trĩ, Sĩ Bình, Vũ Muộn, Vi Hương sáp nhập thành xã Hoa Sơn. Chính quyền xã Hoa Sơn cũng được thành lập do đồng chí Vy Cao Thượng làm Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Song song với việc thành lập liên xã, để phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới, giữa năm 1947, Chi bộ Đảng Hoa Sơn được thành lập do đồng chí Hoàng Khải Mạc làm Bí thư.

Sau khi được thành lập, thực hiện chủ trương của huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ, chính quyền xã Hoa Sơn đã lãnh đạo nhân dân trong xã quyết tâm bảo vệ an toàn cho căn cứ cách mạng, đẩy mạnh sản xuất, tích cực chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trên lĩnh vực kinh tế, chính quyền địa phương tích cực lãnh đạo nhân dân trong xã thi đua tăng gia sản xuất lương thực, thực phẩm để đảm bảo đời sống chuẩn bị kháng chiến.

Trên lĩnh vực quân sự, cuối năm 1946, đầu năm 1947, xã xây dựng trung đội dân quân, du kích. Mặc dù được trang bị thô sơ, vũ khí phần lớn là tự chế nhưng đội dân quân của xã được Đại đội 395 thuộc Tiểu đoàn 43 cùng lực lượng vũ trang của huyện giúp đỡ xây dựng và huấn luyện quân sự bài bản, qua đó luôn nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu.

Công tác xây dựng Đảng được Chi bộ xã thực hiện tốt, năng lực đảng viên ngày càng được nâng cao, đáp ứng tốt nhiệm vụ lãnh đạo địa phương.

Sau khi quân Pháp mở rộng đánh chiếm các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, Trung ương Đảng nhận định: *“Những cuộc hành binh đánh vào căn cứ địa Việt Bắc của ta, địch sẽ tiến nhiều đường, địch phải hành động xa căn cứ của nó, nó sẽ dùng lực lượng hùng hậu cùng những đội như nhảy dù, ở rừng núi thì dùng những đội đánh rừng núi”*¹.

Từ nhận định sáng suốt trên, Đảng ta phát động một phong trào chuẩn bị để chống địch nhảy dù. Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy, Huyện ủy, Chi bộ Đảng xã Hoa Sơn lãnh đạo nhân dân trong xã chuẩn bị chiến trường chống

1. Trích nghị quyết Hội nghị Quân sự toàn quốc lần thứ 3 (tháng 6-1947).

địch, đào công sự, hồ cá nhân để khi địch nhảy dù sẽ ẩn nấp bắn tỉa lúc chúng chưa tiếp đất. Bên cạnh đó, xã huy động nhân dân vót chông, cắm các bãi chông ở các cánh đồng của xã nhằm khi địch nhảy xuống trúng bãi chông sẽ tự tìm đến chỗ chết.

Công tác tiêu thổ kháng chiến cũng được chính quyền, nhân dân xã Hoa Sơn triển khai nhanh chóng theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: *“Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được. Một nhát cuốc của đồng bào cũng như một viên đạn của chiến sĩ bắn vào kẻ địch vậy”*. Song song với công tác phá hoại kháng chiến, cuộc vận động “vườn không nhà trống” được tiến hành. Chính quyền xã vừa lo chuẩn bị đối phó với địch, vừa chủ động tìm điểm an toàn để cất giấu tài sản, lương thực, di chuyển tới khi chiến sự xảy ra tại địa phương.

Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng và chính quyền xã Hoa Sơn, nhân dân trong xã đã từng bước khắc phục khó khăn, tổ chức lực lượng kháng chiến, sẵn sàng chiến đấu khi kẻ thù đến.

3. Kháng chiến chống thực dân Pháp, giải phóng quê hương (1947-1949)

Với tham vọng giành thắng lợi quyết định, sớm chấm dứt chiến tranh xâm lược bằng chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” sau khi âm mưu thực hiện “giải pháp chính trị” lập chính phủ bù nhìn thất bại, từ giữa

năm 1947, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương ráo riết chuẩn bị kế hoạch tiến công lên Việt Bắc nhằm mục đích phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, triệt phá căn cứ địa Việt Bắc, tiêu diệt phần lớn bộ đội chủ lực của ta, khóa chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn sự liên lạc của ta với quốc tế.

Ngày 7-10-1947, thực dân Pháp mở cuộc tiến công quy mô lớn lên Việt Bắc: Một bộ phận quân dù nhảy xuống Chợ Đồn, Chợ Mới, Bắc Kạn. Một binh đoàn bộ binh tiến lên Cao Bằng, sau đó theo đường số 3 xuống Bắc Kạn tạo thành gọng kìm kẹp mặt sau Việt Bắc.

Ngày 9-10-1947, một binh đoàn bộ binh và lính thủy đánh bộ ngược sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang, bao vây Việt Bắc từ phía tây. Chúng dự định 2 gọng kìm sẽ khép lại tại Đài Thị (Chiêm Hóa - Tuyên Quang).

Ngày 15-10-1947, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *“Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”*. Phối hợp với chiến trường Việt Bắc, quân và dân các địa phương trên cả nước đẩy mạnh các hoạt động tiến công, quấy rối trong vùng địch tạm chiếm, đồng thời đề cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại và mở rộng đánh chiếm ra vùng tự do của địch khiến quân Pháp ngày càng gặp nhiều khó khăn, lúng túng, bị thiệt hại nặng nề và phải căng mỏng lực lượng để đối phó.

Đến tháng 12-1947, thực dân Pháp kết thúc chiến dịch tấn công lên Việt Bắc trong thất bại. Tuy bị thất bại

nhưng để phục vụ cho âm mưu chính trị, quân sự nham hiểm, địch vẫn đóng quân và củng cố 5 cứ điểm quân sự trên địa bàn tỉnh như thị xã Bắc Kạn, Phủ Thông, Nà Phặc, Ngân Sơn, Bằng Khẩu. Tại các cứ điểm, quân địch ngày đêm cho quân cướp bóc, quấy phá, giết hại nhân dân, tìm cách triệt phá lực lượng cách mạng của ta. Ở Phủ Thông, chúng kiểm soát được địa bàn Phương Linh, Vi Hương, Tú Trĩ. Do nằm trong vùng địch kiểm soát nên nhân dân trong xã chỉ có một số ít là có thể sản xuất, còn lại thường xuyên phải đi phục dịch cho binh lính địch. Ban ngày, chúng cho nhân dân về nhà sản xuất, 7 giờ tối chúng dồn dân ép phải ngủ tập trung ở gần đồn địch. Chúng thường tổ chức kiểm tra đột xuất, nếu phát hiện thấy thừa hoặc thiếu người thì bắt giam cả nhà đánh đập, tra khảo nên vì thế dân trong vùng tìm cách tản cư hết. Ngày 22-6-1948, thực dân Pháp theo đường Phủ Thông vào Sĩ Bình bắn chết 5 du kích, vào Ủy ban kháng chiến hành chính xã lấy tài liệu, vào Khuổi Cự đốt phá các lán trại sơ tán của nhân dân khiến cho đời sống nhân dân đã cực khổ nay còn khó khăn gấp bội. Thực dân Pháp tìm mọi cách mua chuộc bọn tay sai thân Tưởng trong tổ chức "*Nam dương Hoa kiều hiệp hội*" và ráo riết lập chính quyền tay sai. Ngoài ra chúng còn cung cấp vũ khí, tiền bạc kích lệ bọn thổ phi càn quét, lùng bắt cán bộ Việt Minh...

Để đối phó với âm mưu, thủ đoạn của địch, giữa tháng 1-1948, Trung ương Đảng họp chủ trương phát

động chiến tranh rộng khắp, đánh tảo bạo và diệt những đồn lẻ của địch, tiêu diệt sinh lực địch và giải phóng đất đai¹.

Tháng 2-1948, Hội nghị quân sự toàn tỉnh lần thứ nhất đã đề ra nhiệm vụ quân sự mới cho quân và dân trong tỉnh: “Phải củng cố lực lượng tiến lên đánh địch ra khỏi Bắc Kạn”. Thực hiện chủ trương của Trung ương, tỉnh, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, Chi bộ, chính quyền và nhân dân Hoa Sơn cùng nhân dân trong huyện đẩy mạnh công tác phá hoại giao thông trên đường số 3 nhằm gây khó khăn cho việc hành quân cơ động của địch, tích cực vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí đạn dược phục vụ bộ đội chiến đấu.

Đêm 12-3-1948, quân ta pháo kích địch² ở vị trí đồn Phủ Thông, phá sập phần lớn công sự và doanh trại của địch trong cứ điểm, diệt 30 tên và làm bị thương 40 tên khác. Bọn địch ở thị xã Bắc Kạn lên ứng cứu bị Đại đội Cẩm Lý phối hợp với một phân đội của Tiểu đoàn 55, Trung đoàn 72 và trung đội du kích Bạch Thông (trong đó có du kích xã Hoa Sơn) phục kích tại Km8, phía bắc thị xã Bắc Kạn. Trận phục kích đã diệt và làm bị thương nhiều tên địch, buộc chúng phải quay về thị xã. Lo sợ quân ta tiêu diệt vị trí Phủ Thông, quân địch vội vàng mạo hiểm cho máy bay hạ cánh xuống đây, tiếp tế lương thực và chở thương binh về Hà Nội.

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 98.

2. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 109.

Cứ điểm Phủ Thông được đánh giá là cực kỳ quan trọng do đó thực dân Pháp đã xây dựng đồn bốt tại đây để thực hiện kế hoạch của chúng. Khu vực đồn Phủ Thông cách thị xã Bắc Kạn 18km về phía đông bắc. Toàn bộ khu vực này là núi cao, cây cối rậm rạp. Đồn được xây dựng trên một mỏm nhỏ nhô ra của núi Nà Cọt, cách ngã ba Phủ Thông 300m. Đây là một cứ điểm với công sự vững chắc do lính lê dương đóng giữ với quân số khoảng 150 tên được trang bị nhiều loại vũ khí. Tường đồn bằng đất dày 1m, cao 2m, trong và ngoài tường ghép gỗ, bên ngoài có cọc chống, bốn phía có nhiều lỗ châu mai, phòng bị hết sức kiên cố. Từ vị trí này, đồn Phủ Thông như một mũi dùi cắm vào lòng Việt Bắc.

Đúng 17 giờ 30 phút ngày 25-7-1948, trận đánh bắt đầu. Pháo binh, súng cối của ta bắn dồn dập vào đồn, diệt một số địch, phá vỡ một số đoạn tường. Địch bị bất ngờ, hoang mang rối loạn, không kịp đối phó. Lợi dụng thời cơ, các đại đội 122, 124 rời vị trí tiếp cận xuống sát hàng rào. Khi pháo binh chuyển làn, theo hiệu lệnh kèn xung phong của tiểu đoàn trưởng, các đơn vị vùng lên xóc tới, cán bộ chỉ huy dẫn đầu vừa tiến vừa hô khẩu hiệu động viên quyết tâm. Trung đội trưởng đi đầu dùng thang phên vượt qua hàng rào vào sát chân tường, lợi dụng đoạn tường vỡ và dùng thang ào ạt nhảy vào trong, đánh chiếm lô cốt đầu cầu. Trung đội sau vào tiếp phát triển sâu vào trong diệt các ổ đề kháng, lần lượt đánh chiếm các nhà trong đồn.

Sau ít phút đầu hoang mang, địch phục hồi lại thế phòng ngự, chống trả quyết liệt, tập trung hỏa lực súng máy, súng cối ngăn chặn các đơn vị vào sau, có một số đồng chí hy sinh, bị thương. Sát chân tường, địch dùng lựu đạn, tiểu liên từ các lô cốt trong tường bắn ra làm bộ đội ta thương vong nhiều ở đây. Nhưng người trước ngã, người sau xông lên, kiên quyết tiến công. Ta chiếm được lô cốt đầu cầu, bọn địch bị thương vong bỏ chạy lùi vào trong. Các nhà của lính địch đều có công sự bên trong, hình thành các ổ đề kháng có thể yểm hộ hỏa lực cho nhau, nên chúng đã đánh trả dữ dội các mũi tiến công của ta. Bộ đội ta từng tổ 3 người, dùng lựu đạn, lưỡi lê xung phong diệt địch, vật lộn với chúng; đơn vị sau tiếp sức đơn vị trước giành giật từng ổ đề kháng, đánh chiếm từng nhà. Cả địch và ta đều bị thương vong nặng nề. Sau nhiều giờ chiến đấu ác liệt, đến 23 giờ, Tiểu đoàn trưởng Vũ Yên lệnh cho một bộ phận kiểm chế địch, còn lại phối hợp thu chiến lợi phẩm và đưa thương binh, tử sĩ ra ngoài. 23 giờ 30 phút, ta rút khỏi đồn. Các bộ phận củng cố đội hình, phân công khiêng cáng thương binh, tử sĩ và chiến lợi phẩm về khu vực tập kết.

Trận đánh Đồn Phủ Thông, quân ta đã tiêu diệt và làm bị thương hơn 100 tên địch, tương đương với 3/4 số quân trong đồn, phá hủy nặng hệ thống công sự, vật cản, nhà ở trong đồn; thu được 5 trung liên, 4 tiểu liên, 10 súng trường, một số đạn, lựu đạn. Trận đánh này đã

làm rung chuyển hệ thống đồn bốt của địch, làm thất bại chiến thuật lập đồn bốt để bình định vùng chiếm đóng, tạo sức ép khiến cho quân địch phải rút khỏi thị xã Bắc Kạn. Trận cường tập đồn Phủ Thông đánh dấu sự trưởng thành của quân đội ta về khả năng tư duy và phương pháp tác chiến trong chiến tranh.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đánh giá: “Chiến thắng Phủ Thông là trận đầu tiên của bộ đội ta tiêu diệt đại đội tăng cường tinh nhuệ của Pháp phòng ngự với công sự vững chắc. Chiến thắng đã mang lại niềm tin và kinh nghiệm, có cống hiến lớn cho bộ đội ta tiến công lên con đường đánh công kiên, đặc biệt là chiến dịch Giải phóng biên giới và trong chiến dịch Điện Biên Phủ, nói chung trong cả 30 năm kháng chiến”.

Sau chiến thắng Phủ Thông, được sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ, chính quyền xã Hoa Sơn tiến hành củng cố kiện toàn, nâng cao hoạt động của các đoàn thể, đặc biệt xung quanh vị trí địch ở Phủ Thông, đội du kích bán thoát ly Đào - Hoa - Sỹ được thành lập. Trung đội tuy thành lập muộn nhưng do tình hình khách quan thuận lợi nên có nhiều đóng góp xứng đáng vào chiến công của quân và dân tỉnh Bắc Kạn nói chung và Bạch Thông nói riêng. Ngay sau khi thành lập, tháng 10-1948, đơn vị đã tổ chức nhiều trận phục kích làm, góp phần tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch¹.

1. Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975, tr. 114.

Bước sang năm 1949, quân và dân ta thu được thắng lợi lớn trên các chiến trường. Trung ương quyết định mở chiến dịch giải phóng Bắc Kạn vào thu đông năm 1949. Quá trình chuẩn bị chiến dịch được khẩn trương triển khai. Nhưng do địch phát hiện được kế hoạch của ta, để tránh nguy cơ bị tiêu diệt nên chúng vội vã rút quân. Ngày 9-8-1949, quân địch rút chạy khỏi Bắc Kạn, Phủ Thông. Quân ta truy kích gây nhiều thiệt hại cho địch. Ngày 24-8-1949, mít tinh mừng chiến thắng được tổ chức.

Sau 2 năm chiếm đóng, cuối cùng thực dân Pháp cũng phải rút chạy khỏi Bắc Kạn. Từ đây quê hương sạch bóng quân thù. Sau những năm chiến đấu đầy gian khổ, anh dũng, quân và dân Hoa Sơn đã cùng với quân, dân Bạch Thông, Bắc Kạn lập nên những chiến công to lớn, góp phần quan trọng vào sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

4. Xây dựng hậu phương, chi viện cho tiền tuyến (1949-1954)

Sau hai năm chiếm đóng, trước sự chiến đấu dũng cảm của quân và dân ta, để tránh khỏi bị tiêu diệt, tháng 8-1949, thực dân Pháp buộc phải rút khỏi Bắc Kạn. Hòa trong niềm vui của nhân dân trong toàn tỉnh, nhân dân Hoa Sơn bước vào giai đoạn cách mạng mới với hai nhiệm vụ quan trọng: xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến đánh thắng thực dân Pháp xâm lược.

Trên lĩnh vực kinh tế, quán triệt chủ trương xây dựng nền kinh tế kháng chiến với hai nguyên tắc: “*Vừa kháng chiến vừa kiến quốc và tự cung, tự cấp về mọi mặt*”, ngay sau khi thực dân Pháp rút khỏi Bắc Kạn, thực hiện chủ trương của Huyện ủy, Chi bộ, chính quyền xã vận động nhân dân đẩy mạnh khai hoang, phục hóa, “*Tăng gia sản xuất cứu đói và toàn dân canh tác*”, mở rộng diện tích gieo trồng, tận dụng mọi nguồn lực, sức kéo, đắp bờ giữ nước phát triển nông nghiệp. Nhờ đó, mặc dù trận lụt tháng 10-1950 tàn phá nặng nề nhưng toàn xã vẫn cơ bản đáp ứng được nhu cầu lương thực của nhân dân và đóng góp một phần cho kháng chiến. Từ vụ đông năm 1951, giống lúa Nam Ninh có năng suất cao được đưa vào gieo trồng thay các giống lúa cũ có năng suất thấp. Vì thế, nhưng đời sống nhân dân trong xã từng bước được ổn định.

Trên mặt trận quân sự, từ sau chiến dịch Biên giới, thực dân Pháp ngày càng lâm vào thế bị động, quân và dân ta liên tục giành và giữ thế chủ động trên chiến trường. Để cứu vãn tình thế, ngăn chặn sự chi viện của nhân dân ta cho chiến trường, thực dân Pháp liên tục cho máy bay bắn phá các trục đường giao thông, trong đó có đường số 3, con đường có vị trí chiến lược quan trọng là huyết mạch giao thông nối khu căn cứ địa Việt Bắc với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Liên khu 4.

Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của cấp trên, Chi bộ Hoa Sơn đã thành lập đội dân công xã, cùng

với công binh và dân công các xã trong huyện thực hiện nhiệm vụ bảo đảm giao thông trên tuyến đường số 3 trước sự đánh phá ngày càng ác liệt của địch.

Trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, tháng 5-1949, Hội đồng nhân dân xã được kiện toàn lại các chức danh, từ năm 1949-1951, xã đã cử nhiều cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng do huyện tổ chức. Qua các lớp bồi dưỡng, trình độ, năng lực cán bộ đảng viên ngày càng được nâng cao qua đó phục vụ tốt công tác lãnh đạo địa phương.

Năm 1951, nhân dân Bắc Kạn nói chung và nhân dân Khuổi Lừa, Phương Linh nói riêng vinh dự được đón Bác Hồ về thăm. Tại đây, Bác Hồ đã đến nói chuyện và làm việc với Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Bắc Kạn. Trong buổi làm việc, đồng chí Dương Thiết Sơn - Bí thư Tỉnh ủy báo cáo với Bác về mọi mặt công tác của tỉnh. Bác hỏi thêm đôi điều về đời sống của đồng bào trong tỉnh và công tác phục vụ kháng chiến, rồi Bác vào ngay buổi nói chuyện với tình cảm thân mật, gần gũi. Tất cả có khoảng 30 người tới dự, lắng yên nghe Bác nói. Bác tập trung nói ba vấn đề: Diệt giặc đói - giặc dốt - giặc ngoại xâm. Bác nói rất ngắn gọn, súc tích rằng: Để diệt giặc đói, Tỉnh ủy phải ra sức chỉ đạo, vận động nhân dân các dân tộc ở địa phương tích cực tăng gia sản xuất, khai hoang, phục hóa. Chăm lo sản xuất không phải chỉ đủ để mình ăn, mà còn nuôi quân và giúp đỡ kháng chiến. Diệt giặc dốt là vấn đề cấp thiết.

Làm cán bộ mà văn hóa kém thì sẽ ít hiểu biết chuyện trong nước, chuyện ngoài nước. Ít hiểu biết thì không lãnh đạo được nhân dân, không vận động được nhân dân tham gia kháng chiến. Vì vậy để nâng cao trình độ văn hóa, phải tích cực tham gia bình dân học vụ, tích cực đọc sách báo. Về diệt giặc ngoại xâm, sau khi nêu những chiến thắng của ta trên các mặt trận. Bác nhấn mạnh: Bây giờ máy bay Pháp đi bắn phá, ném bom khắp nơi hòng cản trở cuộc kháng chiến của ta. Do vậy ở hậu phương chúng ta phải ra sức đảm bảo giao thông. Ngày địch phá, đêm ta sửa chữa lại, đó cũng là trực tiếp tham gia kháng chiến. Tiếp đó, Bác phổ biến các văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng một cách ngắn gọn. Bác vừa nói xong cả hội trường vang lên bài “Kết đoàn”, rồi Bác đi lúc nào không biết.

Thực hiện lời dạy của Bác, Tỉnh ủy Bắc Kạn đã chỉ đạo Huyện ủy tăng cường việc chỉ đạo tăng gia sản xuất cho nhân dân. Việc khai hoang, phục hóa được hưởng ứng khắp nơi, những khe ruộng lầy thụt, soi bãi, chân đồi đều được khai phá làm tăng diện tích đất sản xuất. Lúa rẫy, ngô, khoai, sắn được trồng rộng khắp. Phong trào nhập ngũ, đi dân công sởi nổi ở các xã. Đường và cầu công trên Quốc lộ 3 qua Bắc Kạn, được dân công và thanh niên xung phong bảo đảm thông suốt, giúp cho việc tiếp nhận hàng viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa đến từ biên giới phía Bắc được thuận lợi. Riêng cơ quan văn phòng Tỉnh ủy, sau lần được nghe Bác căn

dẫn, đã tổ chức việc đọc báo thường xuyên trước giờ làm việc hàng ngày. Phong trào bình dân học vụ lan rộng không chỉ trong các cơ quan mà cả ở trong đồng bào với phương châm: Người biết nhiều dạy người biết ít, người biết chữ dạy người chưa biết, lấy than làm phấn, lấy tẹm (phên đan để phơi), mẹt làm bảng, trẻ con, người lớn đều tham gia đi học”¹.

Tháng 10-1952, nhằm đáp ứng yêu cầu cách mạng trong tình hình mới, thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, xã Hoa Sơn giải thể thành 6 xã bao gồm: Hòa Bình, Quyết Thắng, Tòng Lạnh, Hợp Tác, Đoàn Kết, Chiến Thắng (xã Phương Linh ngày nay).

Sau khi được tách khỏi xã Hoa Sơn, Chi bộ xã Chiến Thắng được thành lập gồm các đồng chí: Hoàng Khải Mạc, Nông Đức Bảo, Hoàng Khải Học, Mã Văn Tân, Đinh Văn Lại, Triệu Văn Ngọc. Ban Chi ủy lâm thời gồm các đồng chí: Hoàng Khải Mạc - Bí thư Chi bộ, Hoàng Khải Học - Phó Bí thư Chi bộ, Nông Đức Bảo - Chi ủy viên (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Sau khi được thành lập, Chi bộ, chính quyền xã Chiến Thắng đã tích cực lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất, gieo trồng. Phong trào xây dựng tổ đổi công được triển khai trên địa bàn xã. Toàn xã xây dựng được 3 tổ đổi công tại các bản Nà Món, Chi Quảng, Khuổi Cự. Nhờ có tổ đổi công mà nhiều gia đình thiếu nhân

1. *Bắc Kạn những nơi Bác từng qua*, tr. 114-115.

lực, cày bừa, sức kéo... đã được giúp cây gặt kịp thời vụ. Thông qua tổ đổi công, tinh thần đoàn kết tương trợ, chia sẻ, đùm bọc giữa bà con nông dân càng thêm sâu sắc, qua đó góp phần phát triển kinh tế xã nhà. Xã Chiến thắng hoàn thành nhiệm vụ đóng góp lương thực, thực phẩm chi viện cho chiến trường.

Bước sang năm 1953, với chủ trương “*lấy xã làm cơ sở, dân cày là chỗ dựa*”, Bạch Thông tiếp tục đẩy mạnh thực hiện giảm tô 25% đối với địa chủ, phú nông và trung nông lớp trên, giảm dưới 25% đối với trung nông, gồm 63 loại tô. Hoạt động này được triển thí điểm ở các xã Cao Hòa và Yên Đĩnh rồi mở rộng ra toàn huyện. Cuộc vận động giảm tô ở Bạch Thông nói chung và Chiến Thắng nói riêng mang lại ý nghĩa dân chủ sâu sắc. Điều này đã giáng mạnh vào cơ sở kinh tế của giai cấp địa chủ phong kiến, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đẩy mạnh sản xuất, ổn định cuộc sống.

Cùng với kinh tế, sự nghiệp văn hóa - giáo dục trên địa bàn xã thu được những kết quả nhất định.

Phong trào bình dân học vụ tiếp tục được duy trì, ngoài giờ lao động, nhân dân tranh thủ học tập để nâng cao kiến thức. Trường cấp I của xã được mở tại địa điểm đồn Phủ Thông. Nhân dân đóng góp công sức, vận chuyển gỗ dựng lớp học cho con em trong xã.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được triển khai có hiệu quả. Các phong trào “*Ăn chín-uống sôi*”, “*Vệ sinh thôn quê*”, “*Sạch làng tốt ruộng*” được

triển khai rộng rãi. Kết hợp với chính quyền và các đoàn thể, xã vận động nhân dân bài trừ các tệ nạn bói toán, tà then... đồng thời khai thác các nguồn thuốc dược liệu sẵn có trong rừng, tranh thủ sự giúp đỡ của bộ đội, các cơ quan khám chữa bệnh, cấp phát thuốc cho nhân dân.

Đầu tháng 12-1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chủ trương mở chiến dịch đánh bại địch ở Điện Biên Phủ. Ngày 13-3-1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu. Trải qua ba đợt chiến đấu gay go và gian khổ, liên tục trong 55 ngày đêm, ngày 7-5-1954, quân và dân ta đã tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, diệt và bắt sống trên 16.000 tên địch. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình được kí kết. Theo quy định của Hiệp định, chính phủ Pháp buộc phải thừa nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam cũng như của ba nước Đông Dương, đánh dấu một bước phát triển mới trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của quân và dân ta.

Từ năm 1950-1954, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Bạch Thông, Chi bộ Đảng xã Chiến Thắng và nhân dân trong xã vừa ra sức xây dựng quê hương trở thành hậu phương vững mạnh, vừa tích cực tham gia đóng góp nhân lực, vật lực cho tiền tuyến. Một mặt, chính quyền tuyên truyền, khích lệ nhân dân tăng gia sản xuất, ổn định đời sống, tham gia các đội dân quân du kích, phát

huy truyền thống yêu nước, đoàn kết tương trợ lẫn nhau và ủng hộ kháng chiến. Mặt khác, động viên thanh niên nhập ngũ, tham gia lực lượng thanh niên xung phong, đi dân công phục vụ các chiến dịch... Trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954), Chiến Thắng có tổng số 37 người đi bộ đội, 59 thanh niên xung phong, 272 đi dân công hỏa tuyến phục vụ các chiến dịch.

Qua 9 năm kháng chiến trường kỳ (1946-1954), Chi bộ Đảng và nhân dân xã Chiến Thắng đã có những đóng góp tích cực vào thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc. Cuộc kháng chiến khó khăn gian khổ nhưng cũng góp phần tôi luyện, thử thách đội ngũ cán bộ, đảng viên xã Chiến Thắng, đồng thời củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân vào đường lối lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chính phủ. Tự hào về truyền thống lịch sử vẻ vang của địa phương, dưới sự chỉ đạo trực tiếp Chi bộ Đảng xã, toàn thể nhân dân Chiến Thắng tiếp tục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống quê hương, quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới, giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Đến nay, chúng ta đã có một số thành tựu đáng kể trong việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học. Những thành tựu này đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức cần vượt qua để tiếp tục nâng cao trình độ nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học.

Trong tương lai, chúng ta cần tiếp tục đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên. Việc hợp tác giữa các đơn vị nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học là cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của ngành này. Chúng ta cũng cần chú ý đến việc bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm trong quá trình ứng dụng công nghệ sinh học.

Chương III

THAM GIA XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN MIỀN NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

I. KHÔI PHỤC KINH TẾ, VĂN HÓA SAU CHIẾN TRANH, THỰC HIỆN HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1954-1965)

1. Khôi phục kinh tế, văn hóa, ổn định đời sống nhân dân (1954-1957)

Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng vẻ vang, kết thúc gần một thế kỷ xâm lược nước ta của thực dân Pháp, đồng thời mở ra một trang sử mới cho dân tộc. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, nước ta tạm thời bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc. Sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước vẫn chưa hoàn thành. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng bước vào thời kì khôi phục, hàn gắn vết thương chiến tranh, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong khi đó, ở Miền Nam, đế quốc Mỹ và các lực lượng tay sai tìm mọi

cách phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta.

Trước tình hình mới, Nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 9-1954 đã đề ra nhiệm vụ chiến lược là: Miền Bắc tiến lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, ủng hộ đồng bào miền Nam tiếp tục đấu tranh thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới thống nhất nước nhà. Đối với miền Bắc, trước khi thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội phải trải qua giai đoạn tiếp quản vùng mới giải phóng, hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế, giảm bớt những khó khăn về đời sống cho nhân dân.

Trong bối cảnh chung của miền Bắc, nhân dân xã Chiến Thắng phấn khởi bước vào thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới với những thuận lợi cơ bản: Sau bao nhiêu năm phải sống cuộc đời nô lệ, chịu sự áp bức bóc lột dưới chế độ thực dân, phong kiến, trải qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lâu dài, gian khổ, vô cùng ác liệt, nay đã được sống trong hòa bình, được hưởng tự do nên càng tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, hăng hái tham gia các phong trào cách mạng ở quê hương.

Chi bộ lúc này có 12 đồng chí đảng viên. Các đồng chí phần lớn đều đã từng hoạt động trong vùng tạm chiếm, nên vì thế có thể nắm bắt rõ đời sống của nhân dân trong xã. Đồng thời, qua những lớp học về lý luận chính trị, các đồng chí đã thấm nhuần những chủ

trương, nghị quyết của Trung ương Đảng, qua đó có thể phổ biến, tuyên truyền sâu rộng tới quần chúng nhân dân, góp phần giữ vững chính quyền, tạo niềm tin trong nhân dân.

Tuy nhiên, cùng với những thuận lợi, nhân dân Chiến Thắng cũng gặp không ít thách thức. Sau những năm chiến tranh, kinh tế bị tàn phá, sức sản xuất yếu kém, nhiều diện tích ruộng đất tại các bản đều bị bỏ hoang. Công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chữa bệnh cho nhân dân cũng gặp nhiều khó khăn do thiếu thuốc men cũng như đội ngũ cán bộ y tế. Bên cạnh đó là một xã mới thành lập (được tách ra từ xã Hoa Sơn vào tháng 10-1952) nên lúc đầu xã Chiến Thắng gặp không ít trở ngại về tổ chức bộ máy chính quyền, các ban ngành, đoàn thể, về chất lượng cán bộ, về phong tục tập quán, thói quen sản xuất của nhân dân...

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, Chi bộ Đảng nhanh chóng ổn định tổ chức, tiến hành xây dựng và củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế - xã hội. Tháng 10-1954, Chi bộ xã Chiến Thắng tiến hành Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1954-1956, Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 3 đồng chí: Hoàng Văn Vinh - Bí thư Chi bộ, Hoàng Khải Học - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã), Mã Văn Tần - Chi ủy viên.

Năm bắt được tình hình cũng như thấm nhuần nghị quyết của Trung ương Đảng, Chi bộ Đảng xã Chiến

Thắng đã nhanh chóng lãnh đạo nhân dân trong xã tích cực tham gia phong trào khai hoang, phục hóa, thực hiện các biện pháp thâm canh. Toàn xã còn đẩy mạnh phòng trào làm phân xanh, phân rác, bón lót nhờ đó diện tích canh tác cũng như năng suất cây trồng trong xã ngày một tăng.

Cùng với việc đẩy mạnh phục hồi phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, Chi bộ đã chủ trương đẩy mạnh thanh toán nạn mù chữ. Các lớp bình dân học vụ được mở ra ở khắp các bản. Buổi trưa và buổi tối, các tầng lớp nhân dân đều tranh thủ cấp sách tới lớp học, họ không chỉ là trẻ em, nam nữ thanh niên mà còn có cả các cụ già với tinh thần hăng say không quản mệt nhọc nhằm đẩy lùi cái dốt ra khỏi cuộc sống. Các giáo viên của lớp bình dân học vụ là những anh em được học ít nhiều hoặc cũng chỉ là những người mới đọc thông viết thạo. Chỉ trong một thời gian ngắn, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ và sự nỗ lực không mệt mỏi của nhân trong xã, Chiến Thắng đã cơ bản đẩy lùi được giặc dốt.

Việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân luôn được Chi bộ chú trọng, quan tâm sát sao. Mỗi bản trong xã đều được cử hai vệ sinh viên nhằm đôn đốc nhân dân thực hiện ăn sạch, ở sạch, vệ sinh sạch đường thôn, bản, nhằm mang lại một môi trường sống lành mạnh. Các đoàn phòng dịch đã trực tiếp về từng bản, vệ sinh phòng bệnh cho nhân dân.

Thực hiện triệt để chủ trương xây dựng nếp sống văn hóa mới, Chi bộ xã đã chỉ đạo chính quyền cùng các tổ chức thanh niên, phụ nữ tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, bài trừ các tệ nạn xã hội như trộm cắp, mê tín dị đoan; không tổ chức ăn uống linh đình trong cưới hỏi, ma chay. Các phong trào văn hóa, văn nghệ phục vụ quần chúng diễn ra sôi nổi.

Để đem lại quyền lợi cho nhân dân lao động, thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của liên khu Việt Bắc, huyện Bạch Thông tiến hành cải cách ruộng đất. Tháng 9-1956, đội cải cách ruộng đất đã về xã Chiên Thắng tiến hành phát động và lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh giành lại ruộng đất.

Trong quá trình tiến hành, Đội cải cách có vai trò toàn quyền trong việc thực hiện các bước, cử cán bộ xuống từng thôn tuyên truyền, vận động nhân dân đứng lên đấu tranh giành lại ruộng đất từ tay giai cấp địa chủ. Đội cải cách phân công mỗi bản một cán bộ đến thực hiện “Ba cùng” với nhân dân (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) để nắm bắt và xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán làm nòng cốt cho phong trào. Dưới sự lãnh đạo của đội cải cách và đội ngũ cán bộ cốt cán, nông dân xã Chiên Thắng đã đứng lên đấu tranh, vạch trần thủ đoạn bóc lột của địa chủ cường hào, với khẩu hiệu “*Có khổ nói khổ, nông dân vùng lên*” được thực hiện mạnh mẽ.

Để thực hiện nhiệm vụ cải cách ruộng đất, tháng 10-1956, Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1956-1958 của Chi bộ Đảng xã Chiến Thắng được tổ chức. Đại hội tiến hành kiểm điểm, đánh giá nghiêm túc việc lãnh đạo và kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong nhiệm kỳ trước. Đồng thời, Đại hội đã xác định nhiệm vụ trọng tâm của Chi bộ trong giai đoạn tới là tổ chức, lãnh đạo quần chúng nhân dân nỗ lực hoàn thành những mục tiêu của công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện cải cách ruộng đất, tăng cường công tác xây dựng Đảng.

Đại hội đã bầu Ban Chi ủy nhiệm kỳ 1956-1958 gồm 3 đồng chí: Hoàng Khải Mạc - Bí thư Chi bộ, Hoàng Khải Học - Phó Bí thư Chi bộ (Chủ tịch Ủy ban hành chính), Mã Văn Tần - Chi ủy viên.

Sau đợt cải cách ruộng đất, phát động quần chúng đấu tranh, xã Chiến Thắng đã giành được những thắng lợi rất quan trọng. Về chính trị, đã quy thành phần 1 địa chủ, 1 phú nông. Với kết quả này, toàn bộ giai cấp địa chủ, thế lực phong kiến cuối cùng ở xã Chiến Thắng đã bị đánh đổ hoàn toàn. Về kinh tế, tịch thu 27 bưng ruộng, 15 con trâu, bò. Toàn bộ ruộng đất, trâu bò được chia cho nông dân. Tất cả các hộ nông dân chưa có ruộng hoặc ít ruộng đều được chia ruộng, bình quân mỗi hộ nhận được 1,5 bưng.

Cuộc cải cách ruộng đất thực sự là một bước đi tất yếu trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên,

công cuộc cải cách cũng mắc phải những sai lầm như trong công tác chinh đồn, tổ chức, cán bộ đội cải cách đã cường điệu về thành phần xuất thân, chỉ coi trọng thành phần bản, cố nông, xem nhẹ thành phần trung nông, định kiến với những tầng lớp trên đã có nhiều công lao với sự nghiệp cách mạng. Vi phạm nguyên tắc tập trung trong Đảng, tiến hành cải cách ruộng đất không dựa vào tổ chức Đảng ở nông thôn, gạt Chi bộ khỏi vị trí lãnh đạo, quá đề cao vai trò của đội cải cách ruộng đất. Đồng thời quá cường điệu thế lực và sức chống đối của địa chủ, mở rộng diện địa chủ tới mức tối đa, gò theo một tỷ lệ nhất định.

Những sai lầm trong công tác cải cách ruộng đất khiến cho không khí bản làng căng thẳng, nội bộ nhân dân mất đoàn kết, làm cho một số bộ phận nông dân mặc dù được chia ruộng nhưng vẫn thiếu phần khởi, chưa yên tâm lao động sản xuất.

Trước tình hình đó, Đảng ta đã kịp thời phát hiện ra những sai lầm và nhanh chóng đề ra biện pháp sửa chữa. Ngày 8-8-1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng, Chính phủ gửi thư cho đồng bào cán bộ nông thôn, kêu gọi mọi người đoàn kết, kiên quyết sửa chữa những sai lầm. Tiếp đó, tháng 9-1956, Hội nghị lần thứ 10 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã đề ra chủ trương và biện pháp sửa sai, nhấn mạnh: *“Kiên quyết sửa chữa những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chinh đồn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được”*.

1960, xã được Ủy ban hành chính tỉnh tặng Bằng khen vì đã hoàn thành tốt nghĩa vụ lương thực.

Quán triệt chủ trương của cấp trên, bên cạnh việc đẩy mạnh các hợp tác xã nông nghiệp, trong năm 1960, xã Chiến Thắng cũng thành lập hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng do ông Đinh Quang Tần làm Chủ nhiệm, nhằm phục vụ nhân dân trong các nhu cầu về đời sống sinh hoạt; cung ứng vật tư, nông cụ sản xuất, hàng tiêu dùng thiết yếu. Từ khi thành lập, hợp tác xã tín dụng đã có nhiều cố gắng trong việc huy động nguồn vốn tín dụng và tổ chức cho nhân dân vay vốn nhằm đầu tư sản xuất và kinh doanh.

Trên cơ sở đẩy mạnh phát triển kinh tế, Chi bộ cũng luôn quan tâm sát sao tới các hoạt động văn hóa - xã hội.

Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch *“Vì lợi ích 10 năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”*, Chi bộ xã Chiến Thắng luôn có ý thức coi trọng việc phát triển giáo dục, phát huy truyền thống hiếu học của quê hương, coi đó là nhiệm vụ chiến lược lâu dài. Từ ý thức đó, Chi bộ, chính quyền và nhân dân trong xã bằng mọi biện pháp tạo điều kiện huy động gần 100% con em trong độ tuổi cấp sách đến trường.

Công tác y tế được Chi bộ quan tâm. Năm 1960, trạm xá xã được thành lập do bà Luân Thị Thùy làm trạm trưởng. Trạm xá đã tổ chức thực hiện phong trào *“Sạch thôn, bản, tốt ruộng”*, phong trào xây dựng 3

công trình: giếng nước, nhà tắm, nhà tiêu. Công tác vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em có nhiều tiến bộ. Ý thức phòng bệnh của người dân được nâng lên rõ rệt. Các dịch cúm, đậu mùa, tiêu chảy đều được dập tắt kịp thời, bệnh sốt rét, xuất huyết được hạn chế.

Về công tác quốc phòng - an ninh, Chi bộ lãnh đạo nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác, giữ gìn an ninh trật tự, chống các luận điệu xuyên tạc phá hoại nền hòa bình và công cuộc xây dựng quê hương, đất nước. Xã đội do ông Lưòng Văn Thường đứng đầu được củng cố. Tổ chức lực lượng dân quân theo quy định nam, nữ từ 18-45 tuổi đều phải tham gia lực lượng dân quân hàng năm, huấn luyện chính trị, quân sự, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Công tác xây dựng Đảng luôn được chú trọng. Chi bộ thường xuyên triển khai nhanh chóng, có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy và Huyện ủy vào thực tiễn địa phương, tạo nên phong trào cách mạng sôi nổi. Sinh hoạt Đảng ngày càng đi vào nề nếp; việc xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt được quan tâm hơn; công tác phát triển Đảng đạt kết quả tốt. Qua các phong trào cách mạng đã xuất hiện ngày càng nhiều những tấm gương quần chúng tiêu biểu, xuất sắc... tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển Đảng. Đội ngũ cán bộ, đảng viên của

Chi bộ Chiến Thắng không chỉ tăng nhanh về số lượng mà còn nâng cao năng lực quản lý, đáp ứng được với những yêu cầu cách mạng.

Qua những phong trào cách mạng, các đoàn thể quần chúng Chiến Thắng phát triển mạnh mẽ cả về số lượng hội viên và chất lượng hoạt động. Đoàn Thanh niên đã thực sự trở thành lực lượng xung kích đi đầu phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, thi đua lao động sản xuất, xây dựng nếp sống mới; phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao, bảo vệ an ninh thôn bản. Từ thực tiễn tham gia phong trào, những đoàn viên ưu tú trưởng thành được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Hội Phụ nữ xã có nhiều hoạt động phong phú. Các hội viên tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hiện chính sách hậu phương quân đội, xây dựng gia đình văn hóa mới.

Mặt trận Tổ quốc xã không ngừng được củng cố. Mặt trận tích cực vận động nhân dân, nhất là các cụ phụ lão động viên con cháu lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, đấu tranh bài trừ các hủ tục lạc hậu, xây dựng đời sống văn hóa mới tại địa phương.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được Chi bộ và nhân dân Chiến Thắng còn có một số hạn chế và tồn tại cần khắc phục trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Tuy nhiên, những kết quả đã đạt được sẽ là nguồn cổ vũ lớn lao để Chi bộ và nhân dân trong xã bước vào giai đoạn thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

3. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam họp ở Thủ đô Hà Nội. Đại hội lần thứ III đã vạch ra phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Phương hướng của kế hoạch 5 năm là *“Chúng ta cần phải chuyển sang lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, làm cho nền kinh tế miền Bắc nước ta trở thành một nền kinh tế - xã hội chủ nghĩa”*.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Chi bộ Chiến Thắng đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1961-1962. Đại hội đánh giá công tác lãnh đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch 3 năm (1958-1960), phát triển kinh tế - xã hội, củng cố và phát triển hợp tác xã nông nghiệp, tín dụng, cải tạo công thương nghiệp, phát triển văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, đảm bảo an ninh trật tự ở xã. Đại hội bầu các đồng chí: Nông Văn Tần - Bí thư Chi bộ, Hoàng Văn Páo - Phó Bí thư, Hoàng Khải Học - Chi ủy viên.

Tiếp đó, năm 1963, Chi bộ Chiến Thắng đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1963-1965. Đại hội thông qua kế hoạch phát triển đời sống kinh tế - xã hội của xã trong

thời gian tới, góp phần thực hiện thành công kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Đại hội bầu các đồng chí: Nông Văn Tấn - Bí thư Chi bộ, Hoàng Văn Páo - Phó Bí thư, Dương Văn Lợi - Chi ủy viên.

Bước vào những năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, cán bộ, đảng viên, nhân dân Chiến Thắng đã khắc phục nhiều khó khăn, tiếp tục củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp, kết hợp phát triển hợp tác hóa với thủy lợi hóa, dần cải tiến công cụ, kỹ thuật, tiến tới cơ giới hóa trong nông nghiệp nhằm giải quyết tốt vấn đề lương thực, đưa phong trào hợp tác xã nông nghiệp lên một bước, hợp nhất các hợp tác xã nhỏ lên quy mô thôn, đưa hợp tác xã bậc thấp lên bậc cao và tiến hành cải tiến quản lý hợp tác xã. Đến năm 1962, toàn xã có trên 95% số hộ nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp. Cuối năm 1960, toàn xã có 5 hợp tác xã nhỏ, sang năm 1963 xã được sáp nhập lại thành các hợp tác xã có quy mô lớn:

Hợp tác xã Phương Thông do ông Hoàng Khải Quỳnh làm Chủ nhiệm¹.

Hợp tác xã Linh Quang do ông Hoàng Văn Páo làm Chủ nhiệm.

1. Hợp tác xã Nà Món - Đầu Cầu và Khuổi Chàm - Nà Hái sáp nhập thành hợp tác xã Phương Thông.

Hợp tác xã Nà Phái, Chi Quảng, Khuổi Cự sáp nhập thành hợp tác xã Linh Quang.